

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

Quyển 1/2

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 12 tháng 05 năm 2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 12/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 3 năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 14 / 3 / 2023 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Việt Capital
Ngân hàng Bản Việt

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Địa chỉ: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 62 679 679 Fax: (84-8) 6263 8668

TỔ CHỨC TƯ VẤN

VIET CAPITAL
SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 4531

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Phạm Anh Tú - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84-8) 62 679 679

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 / 2023

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 12 tháng 05 năm 2021)



Ngân hàng Bản Việt

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Bản Việt
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/ cổ phần
Giá chào bán dự kiến (đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu):	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số lượng chào bán/ phát hành:	146.836.000 cổ phần, trong đó: <ul style="list-style-type: none">- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 91.772.500 cổ phần- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 55.063.500 cổ phần
Tổng giá trị chào bán/ phát hành (theo mệnh giá)	1.468.360.000.000 (Một nghìn bốn trăm sáu mươi tám tỷ ba trăm sáu mươi triệu) đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 3588

Fax: (84-8) 3914 4531

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tòa nhà Sun Wah, lầu 10, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3821 9266

Fax: (84-8) 3821 9267

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ...	1
1. Tổ chức phát hành	1
2. Tổ chức tư vấn.....	1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	2
1. Rủi ro về kinh tế	2
2. Rủi ro luật pháp	4
3. Rủi ro đặc thù	4
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	7
5. Rủi ro pha loãng	7
6. Rủi ro quản trị công ty.....	9
7. Rủi ro khác	9
III. CÁC KHÁI NIỆM	10
1. Các khái niệm	10
2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt.....	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	12
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	12
2. Các lĩnh vực hoạt động của BVB	13
3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
4. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Ngân hàng	19
5. Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Ngân hàng	20
6. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	30
7. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của Ngân hàng.....	31
8. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác	33
9. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	33
10. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	35
11. Hoạt động kinh doanh	35
12. Chính sách đối với người lao động	58
13. Chính sách cổ tức	61

14. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	61
15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	65
16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	65
17. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	65
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	66
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	66
2. Tình hình tài chính	69
3. Ý kiến của kiểm toán về Báo cáo tài chính của BVB qua các năm	76
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	78
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	80
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	80
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	80
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát.....	80
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	101
1. Loại cổ phiếu	101
2. Mệnh giá.....	101
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	101
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	101
5. Giá chào bán	101
6. Phương pháp tính giá.....	101
7. Phương thức phân phối.....	101
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	102
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	103
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	103
11. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	103
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	104

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

13. Huy bỏ đợt chào bán.....	105
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	105
15. Các loại thuế có liên quan	105
16. Thông tin về các cam kết.....	106
17. Thông tin về các chứng khoán khác được phát hành trong cùng đợt.....	106
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	107
1. Mục đích chào bán	107
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	108
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	110
1. Tổ chức tư vấn.....	110
2. Tổ chức kiểm toán.....	110
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	111
XII. PHỤ LỤC.....	112
1. Phụ lục I.....	112
2. Phụ lục II	112
3. Phụ lục III.....	112
4. Phụ lục IV.....	112
5. Phụ lục V	112
6. Phụ lục VI.....	112
7. Phụ lục VII	113

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

- Ông Lê Anh Tài Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông Ngô Quang Trung Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông Lý Công Nha Chức vụ: Kế toán trưởng
- Bà Phan Thị Hồng Lan Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 01/2022/HĐ-IB.VCSC ngày 15 tháng 03 năm 2022 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

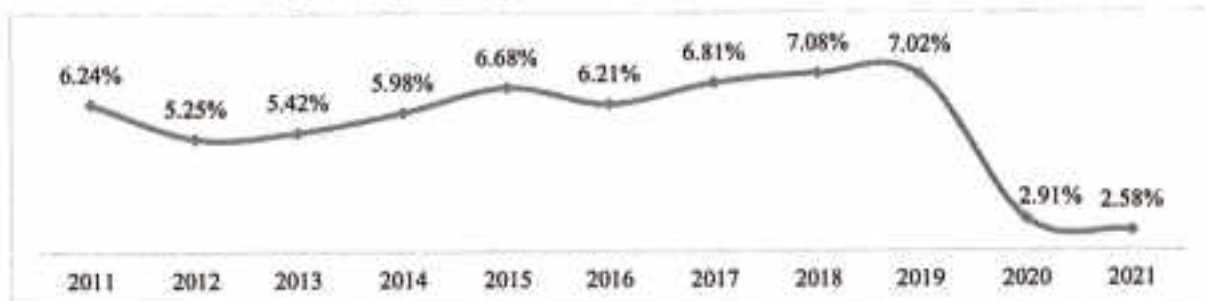
Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong năm 2021, diễn biến kinh tế vĩ mô vẫn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu do đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung và nước ta nói riêng. Dịch bệnh làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, làm tiêu tốn nguồn lực quốc gia và gây khó khăn cho phát triển kinh tế. Một số ngành đặc biệt khó khăn do dịch bao gồm ngành vận tải, kho bãi, dịch vụ lưu trú ăn uống, nghệ thuật, vui chơi và giải trí, ngành hàng không và du lịch. Hoạt động sản xuất chưa thể phục hồi nhanh như thời điểm trước khi dịch Covid-19 xảy ra do một số ngành phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ các nước trên thế giới hiện chưa kiểm soát được dịch bệnh. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chứng tỏ nội lực kinh tế mạnh mẽ khi ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP năm 2021 dương, đạt 2,58%.

Ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Ngân hàng phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Trong năm 2022, theo nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã đặt ra các nhiệm vụ cho năm 2022, trong đó phần đầu mức tăng trưởng GDP đạt mức 6 – 6,5%, quay lại mức tăng trưởng ấn tượng trước dịch. Ngoài ra, gói chính sách tài khóa, tiền tệ phục hồi và phát triển kinh tế với quy mô gần 350.000 tỷ đồng được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022, hứa hẹn sẽ đẩy nhanh quá trình phục hồi của các doanh nghiệp trong nước. Mặc dù nền kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng trong các năm tiếp theo nhưng trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới còn nhiều vấn đề bất ổn, kinh tế Việt Nam vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng, qua đó tạo ra rủi ro doanh thu, dòng tiền, hàng tồn kho, ảnh hưởng đến lợi nhuận và hoạt động của Ngân hàng. Vì vậy để hạn chế rủi ro, Ngân hàng không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm giữ vững thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh.

Tăng trưởng GDP qua các năm giai đoạn 2012 –2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Vì vậy để hạn chế rủi ro, Ngân hàng không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm giữ vững thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh.

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Ngân hàng nói riêng. Lạm phát tăng cao hoặc siêu lạm phát sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự ổn định giả tạo của quá trình sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Ngược lại, nếu lạm phát quá thấp (1,8% năm 2014) kéo dài cộng thêm thâm hụt ngân sách liên tiếp có thể làm cho tăng trưởng kinh tế phục hồi chậm, thậm chí dễ dẫn đến trì trệ, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn rất dễ dẫn tới suy thoái kinh tế.

Trong năm 2021, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 1,84% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc Hội đề ra trong bối cảnh có nhiều biến động khó lường. Tuy nhiên, các gián đoạn từ dịch Covid-19 khiến cho mặt bằng giá của nhiều mặt hàng tăng mạnh, diễn hình gồm có: giá một số nguyên vật liệu, xăng, dầu, thép, vật liệu xây dựng... là áp lực khiến cho lạm phát tăng trở lại. Do đó, Ngân hàng luôn chủ động phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lạm phát, từ đó xây dựng định hướng và chiến lược kinh doanh trung và dài hạn, để đảm bảo tăng trưởng ổn định và có hiệu quả.

1.3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sở ngân hàng và rủi ro lãi suất Sở kinh doanh. Rủi ro lãi suất Sở ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (BVB) do sự biến động bất lợi của lãi suất. Trong khi đó, rủi ro lãi suất Sở kinh doanh là khả năng xảy ra tổn thất đối với danh mục kinh doanh của BVB do sự biến động bất lợi của lãi suất, ảnh hưởng đến giá trị danh mục.

- Đối với rủi ro lãi suất Sở ngân hàng: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng kỳ hạn và do sự chênh lệch giữa thời lượng bình quân của tổng tài sản có và tổng tài sản nợ. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở thời lượng, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVB có thể sẽ bị ảnh hưởng.
- Đối với rủi ro lãi suất Sở kinh doanh: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị mua vào của danh mục kinh doanh. Khi lãi suất thị trường biến động bất lợi, tùy thuộc vào tính chất của danh mục, chênh lệch này có thể sẽ biến động và gây tổn thất cho BVB.

Rủi ro lãi suất được BVB đánh giá, đo lường và giám sát dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh của BVB, các nhận định về diễn biến, biến động lãi suất trên thị trường luôn đảm bảo tuân thủ giới hạn rủi ro của BVB và các quyết định, định hướng của Ủy ban ALCO liên quan đến quản lý rủi ro lãi suất cũng như việc đưa ra các mức lãi suất phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.

1.4. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là khả năng xảy ra tổn thất đối với trạng thái ngoại tệ của BVB do sự biến động bất lợi của tỷ giá.

Rủi ro ngoại hối của BVB hiện nay phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, phục vụ khách hàng và hoạt động đầu tư của Sở ngân hàng. Trạng thái ngoại tệ được quản lý tập trung tại Trụ sở chính.

2. Rủi ro luật pháp

BVB là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện (ngân hàng – tài chính – tiền tệ), do vậy, bên cạnh việc phải tuân thủ các quy định pháp luật chung tại Luật Doanh Nghiệp, BVB còn chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật chuyên ngành ngân hàng như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng nhà nước... Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được xây dựng nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng thương mại cổ phần như BVB.

Từ năm 2015 cho đến nay, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số đạo luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam, gồm: Luật số 46/2015/QH12 về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Luật số 47/2015/QH12 về Các tổ chức tín dụng (đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011; Luật số 68/2014/QH13 về Doanh nghiệp và Luật số 67/2014/QH13 về Đầu tư thay thế các luật cũ (đã có hiệu lực từ ngày 1/7/2015).

Trên thực tế, mặc dù Chính phủ, Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn luật nhằm chi tiết hóa các luật liên quan tới các tổ chức tín dụng, từ đó, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý và giúp cơ quan có thẩm quyền quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng và thị trường tài chính, nhưng cho đến nay, nhiều văn bản hướng dẫn luật, đặc biệt là Luật Các tổ chức tín dụng vẫn còn cần tiếp tục được hoàn thiện hoặc chờ ban hành. Việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành các chính sách, văn bản, quy định hướng dẫn luật có thể đặt ra các thách thức không nhỏ cho các tổ chức tín dụng (trong đó có BVB) vì việc chưa được hướng dẫn áp dụng đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các văn bản pháp luật điều chỉnh có thể dẫn đến rủi ro về mặt pháp lý đối với hoạt động ngân hàng.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro cơ bản đối với hầu hết các ngân hàng thương mại (NHTM) nói chung và BVB nói riêng do hoạt động cấp tín dụng vẫn là hoạt động chính tại các NHTM. Rủi ro này xảy ra khi Bên được cấp tín dụng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo cam kết đã ký trong hợp đồng. Rủi ro tín dụng phát sinh từ các nguyên nhân chính như:

- Từ bản thân các ngân hàng: Do chính sách và quy trình tín dụng chưa chặt chẽ, công tác quản trị rủi ro chưa hữu hiệu, việc thẩm định khách hàng chưa chặt chẽ, chưa tuân thủ đúng và đầy đủ quy trình, quy định của BVB, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ tín dụng còn chưa đáp ứng yêu cầu...
- Từ khách hàng: Do năng lực quản trị điều hành của bộ máy lãnh đạo đơn vị còn hạn chế, công nghệ sản xuất của khách hàng lỗi thời và không đủ khả năng tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao, khách hàng không có đủ tiềm lực về vốn để thực hiện phương án kinh doanh theo kế hoạch, khách hàng cố tình lừa đảo...

- Từ phía môi trường kinh doanh: Do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, dịch họa, dịch bệnh,...), thay đổi từ chính sách kinh tế vĩ mô và môi trường pháp lý, suy giảm đối với ngành mà khách hàng hoạt động hoặc của nền kinh tế nói chung, nguyên nhân do thông tin không cân xứng.

Trong điều kiện kinh doanh có nhiều thay đổi như hiện nay và các chủ thể kinh tế có mối quan hệ qua lại lẫn nhau, việc quản lý rủi ro tín dụng trở nên phức tạp, ngoài ra hoạt động tín dụng đóng góp nguồn thu quan trọng trong hoạt động của BVB, từ thực tế đó yêu cầu Ngân hàng không ngừng tăng cường khả năng quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán gây ảnh hưởng đến các hoạt động tự doanh của BVB.

Rủi ro lãi suất là rủi ro do các biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính và các sản phẩm kinh doanh có liên quan đến lãi suất khác của BVB.

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá tiền tệ trên thị trường.

Rủi ro giá chứng khoán là rủi ro do biến động bất lợi của giá chứng khoán trên thị trường đối với giá trị chứng khoán trên sổ kinh doanh của BVB.

BVB đã xây dựng và ban hành đầy đủ các chính sách, hệ thống, quy định và quy trình về quản lý rủi ro thị trường, thiết lập hệ thống hạn mức và thực hiện rà soát định kỳ nhằm đảm bảo các giới hạn theo quy định của NHNN cũng như quy định nội bộ của BVB, hạn chế tối đa các tổn thất, rủi ro.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là các tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng kỳ hạn và do sự chênh lệch giữa thời lượng bình quân của tổng tài sản có và tổng tài sản nợ. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở thời lượng, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVB có thể sẽ bị ảnh hưởng.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng. Rủi ro hoạt động là loại hình rủi ro trọng yếu, có phạm vi xuất hiện rộng không chỉ trong các hoạt động nội bộ của Ngân hàng mà còn nằm trong các tình huống xảy ra bên ngoài Ngân hàng và nằm ngoài sự kiểm soát của Ngân hàng nhưng có thể tác động đến Ngân hàng, rủi ro hoạt động có thể tăng lên cùng với mức độ phức tạp trong hoạt động của Ngân hàng.

Đối với BVB, để đáp ứng chiến lược kinh doanh và phát triển ngân hàng bán lẻ, việc triển khai đầu tư mở rộng hoặc phát triển các kênh giao dịch trực tuyến là xu thế tất yếu, đi kèm với đó, các rủi ro liên quan đến rủi ro hoạt động của hệ thống CNTT sẽ có nguy cơ gia tăng hoặc phát sinh với tần suất nhiều hơn.

Ngoài ra, các rủi ro gian lận, rủi ro tác nghiệp cũng là nội dung cần chú ý khi mở rộng quy mô hoạt động cũng như gia tăng số lượng khách hàng và tần suất giao dịch.

Đây là những loại rủi ro liên quan đến rủi ro hoạt động mà BVB cần chú trọng kiểm soát trong thời gian tới để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể bắt nguồn từ việc BVB không thể lường trước và dự phòng đầy đủ những giám sát về nguồn vốn, từ đó có thể dẫn tới những ảnh hưởng bất lợi đến khả năng đáp ứng của BVB đối với các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

Thời gian qua, bên cạnh việc tiếp tục tạo dựng uy tín đối với các khách hàng tiền gửi lớn/ truyền thống, BVB đã tích cực chú trọng gia tăng huy động vốn từ các khách hàng mới, theo đó, số dư huy động vốn tăng trưởng đều qua các năm. Đồng thời BVB tiếp tục duy trì khối lượng tài sản có tính lỏng cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường, tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

Bên cạnh đó, BVB đã xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro thanh khoản phù hợp với thông lệ, xây dựng văn bản quy định về hoạt động quản lý thanh khoản, trong đó xác định rõ các công cụ quản lý thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra.

BVB luôn đảm bảo duy trì tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành về dự trữ bắt buộc, đồng thời đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi và các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3.6. Rủi ro tập trung

Cũng như đa số các ngân hàng thương mại khác tại Việt Nam, BVB chú trọng tài trợ cho các ngành, khu vực kinh tế có tiềm năng phát triển trong từng thời kỳ và việc này dẫn đến khả năng phát sinh rủi ro tập trung vào một số nhóm ngành. Mặc dù BVB luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN về giới hạn cho vay theo ngành, sự suy thoái của một số ngành kinh tế vẫn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của BVB.

BVB giảm thiểu rủi ro này bằng cách lựa chọn thận trọng các ngành và khu vực kinh tế có tiềm năng ổn định và lâu dài. Đối với từng khách hàng trong ngành, BVB cũng luôn đánh giá cẩn trọng khách hàng vay để lựa chọn chỉ cho vay các khách hàng có khả năng trả nợ tốt và có lịch sử giao dịch nhiều năm với Ngân hàng. BVB luôn đảm bảo được việc tuân thủ các hạn mức của NHNN quy định đối với việc cho vay tập trung theo ngành trong các năm gần đây.

3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục "Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán" của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro này, BVB đã ban hành quy định cụ thể đối với các nghiệp vụ như bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, thư tín dụng..., trong đó:

BẢN CÁO BẠCH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

- Đối với nghiệp vụ bảo lãnh: BVB đã ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng, trong đó: Quy định rõ các điều kiện cấp bảo lãnh, quản lý, thẩm định, xét duyệt cấp bảo lãnh, thẩm quyền ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, biện pháp bảo đảm; Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt cấp bảo lãnh được thực hiện chặt chẽ như một khoản vay (áp dụng quy trình như phê duyệt cho vay).
- Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng: Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng cũng được thực hiện tương tự như đối với khoản vay. Tuy nhiên, ngoài các nội dung yêu cầu thẩm định, đánh giá bắt buộc trong quy trình cấp tín dụng, đối với nghiệp vụ mở L/C, Bộ phận quan hệ khách hàng sẽ chuyển hồ sơ mở L/C cho Bộ phận Thanh toán quốc tế xem xét đánh giá sự phù hợp/không phù hợp về mặt thông lệ quốc tế. Trên cơ sở ý kiến của Bộ phận Thanh toán quốc tế, Bộ phận Quan hệ khách hàng lập đề xuất đảm bảo nguồn vốn thanh toán mở L/C. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất của Bộ phận Quan hệ khách hàng sẽ tiếp tục được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra, một phần hoặc toàn bộ các khoản mục ngoại bảng này đều có tài sản cầm cố, thế chấp (bất động sản, máy móc thiết bị, hàng hóa...) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ với tỷ lệ tùy thuộc vào kết quả định hạng tín dụng và chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng nhằm giảm thiểu các tổn thất do rủi ro gây ra.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Mục đích của việc huy động vốn từ đợt phát hành này là nhằm mở rộng mạng lưới hoạt động của Ngân hàng; đầu tư công nghệ, trang thiết bị hiện đại; bổ sung nguồn vốn cho vay; kinh doanh vốn và các hoạt động khác của BVB, nhằm giảm áp lực huy động vốn từ các nguồn khác và gia tăng khối lượng, tăng thanh khoản và giá trị cổ phiếu cho các cổ đông. Theo dự kiến, thị trường tài chính – tiền tệ sẽ tiếp tục phát triển trung và dài hạn, do đó, việc tăng vốn điều lệ, bổ sung nguồn vốn cho vay là phù hợp với xu thế thị trường. Phần vốn chủ sở hữu bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh của Ngân hàng: Ngân hàng thực hiện trích dự phòng rủi ro theo đúng qui định của Ngân hàng nhà nước nên rủi ro cho vay nằm trong tầm kiểm soát của Ngân hàng.

Rủi ro không thu đủ tiền của đợt chào bán: mọi đợt phát hành đều có rủi ro nhất định do không thu đủ tiền của đợt phát hành. Bên cạnh những diễn biến khó lường của thị trường như lãi suất, Covid-19 và điều kiện thị trường không thuận lợi như hiện nay, khả năng cổ phiếu không thể chào bán hết là có thể xảy ra. Tuy nhiên đợt phát hành lần này của BVB là phát hành cho các cổ đông hiện hữu với giá bằng 73,87% giá trị sổ sách của ngân hàng tại thời điểm 31/12/2022 vì vậy khả năng thành công của đợt phát hành là rất cao. ĐHĐCĐ cũng đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động trong việc tìm kiếm và phân phối lại số cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu cho nhà đầu tư khác với mức giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

5. Rủi ro pha loãng

Giá giao dịch của cổ phiếu BVB sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) tại thời điểm 31/12/2022:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần trong năm}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$
$$\text{EPS} = \frac{363.825.000.000}{367.090.000} = 991 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Giá trị sổ sách 1 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại thời điểm 31/12/2022:

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn kinh phí và các quỹ khác}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$
$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} = \frac{4.969.291.000.000}{367.090.000} = 13.537 \text{ đồng}$$

Tuy nhiên, rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như BVB sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động và duy trì tốt hoạt động sau đợt phát hành.

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán ("Ngày giao dịch không hưởng quyền"): giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1}) + (I_2 \times P_{r2}) - Div_{cp}}{1 + I_1 + I_2}$$

Trong đó:

- P_{tc} là giá tham chiếu tại ngày Ngày giao dịch không hưởng quyền.
- PR_{t-1} là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền.
- P_{r1} là giá cổ phiếu tính cho cổ đông hiện hữu.
- P_{r2} là giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- I_1 là tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần.
- I_2 là tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Div_{cp} là giá trị cổ phiếu.

Ví dụ:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày: 28/02/2023.
- Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền (27/02/2023) là: 16.000đ/cp.
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần tỷ lệ 15% ($I_1=0,15$; $P_{r1}=10.000$ đồng; $Div_{cp}=1.500$ đồng).
- Phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 100:25 giá 10.000đ/cp ($I_2=0,25$; $P_{r2}=10.000$ đồng);
- Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$\text{Giá tham chiếu} = \frac{16.000 + (0,15 \times 10.000) + (0,25 \times 10.000) - 1.500}{1 + 0,15 + 0,25} = 13.214 \text{ đ/cp}$$

Như vậy, giá tham chiếu điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền là 13.214 đồng/cổ phiếu.

6. **Rủi ro quản trị công ty**

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt, chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị.

BVB hiện đang được đăng ký giao dịch tại UpCOM. Cơ quan quản trị và điều hành của BVB được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, bộ máy quản trị của BVB còn được hỗ trợ và kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát chuyên nghiệp và uy tín do ĐHCĐ bầu ra, đảm bảo các hoạt động điều hành của HĐQT và Ban TGD là minh bạch và giám sát chặt chẽ.

Ngoài ra, các thành viên trong đội ngũ lãnh đạo của BVB có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính và Ngân hàng cũng như kinh nghiệm quản trị, có khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro có thể xảy ra sớm, đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách hiệu quả.

7. **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, BVB còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu xảy ra sẽ ít nhiều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVB. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Tổ Chức Phát Hành. Từ năm 2020, khi dịch Covid-19 xảy ra, BVB đã nhanh chóng thực hiện nghiêm túc các chính sách phòng chống dịch theo chỉ định của Chính phủ, đảm bảo sự an toàn cho cán bộ công nhân viên, duy trì hoạt động liên tục. Ngoài ra, BVB cũng thường xuyên tham gia các chương trình bảo hiểm (bảo hiểm hàng hoá, tài sản, v.v...) cho cả Ngân hàng và khách hàng nhằm hạn chế các rủi ro này.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Các khái niệm

- "Ngân hàng": là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
- "Nợ quá hạn": là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.
- "Nợ nhóm 1": hay còn gọi là Nợ đủ tiêu chuẩn, bao gồm các khoản nợ trong hạn hoặc các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày mà tổ chức tín dụng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn.
- "Nợ nhóm 2": hay còn gọi là Nợ cần chú ý, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày.
 - Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.
- "Nợ nhóm 3": hay còn gọi là Nợ dưới tiêu chuẩn, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày.
 - Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu phân vào nhóm 2.
 - Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.
- "Nợ nhóm 4": hay còn gọi là Nợ nghi ngờ, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần 2.
- "Nợ nhóm 5": hay còn gọi là Nợ có khả năng mất vốn, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày;
 - Các khoản nợ khoanh chờ xử lý;
 - Các khoản nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần hai quá hạn theo thời hạn trả nợ lần thứ hai.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn.
- Thị trường 1: thị trường giao dịch với dân cư và tổ chức
- Thị trường 2: thị trường giao dịch giữa các ngân hàng (liên ngân hàng)


BẢN CÁO BẠCH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt

• UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
• SKHĐT	Sở kế hoạch Đầu tư TP.HCM
• NGÂN HÀNG, BVB	Ngân hàng TMCP Bản Việt
• DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
• HĐQT	Hội đồng Quản trị
• BGD	Ban giám đốc
• BKS	Ban Kiểm soát
• CBCNV	Cán bộ công nhân viên
• HĐKD	Hoạt động kinh doanh
• Điều lệ	Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Tổ chức tư vấn, VCSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
• NHNN	Ngân hàng Nhà nước
• NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần.
• TCTD	Tổ chức tín dụng
• HĐTD	Hội đồng tín dụng
• TKTS	Tổng kết tài sản.
• CNTT	Công nghệ thông tin.
• ĐVT	Đơn vị tính
• PGD	Phòng giao dịch
• CN	Chi nhánh.
• HS	Hội sở
• TSN	Tài sản nợ
• TSC	Tài sản có
• TT1	Thị trường 1
• TT2	Thị trường 2

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ	: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT
Tên tiếng Anh	: VIET CAPITAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên viết tắt tiếng Anh	: VIET CAPITAL BANK/BVB
Tên viết tắt	: NGÂN HÀNG BẢN VIỆT
Biểu tượng của Ngân hàng	:  Ngân hàng Bản Việt
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 12 tháng 05 năm 2021
Trụ sở	: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại	: (84-8) 6267 9679
Fax	: (84-8) 6263 8668
Website	: www.vietcapitalbank.com.vn
Email	: BVB247@vietcapitalbank.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động	: 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và giấy phép số 576/GP-UB ngày 08/10/1992 do Ủy Ban Nhân Dân TP HCM cấp
Giấy CNDKKD	: 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố [...] cấp lần đầu ngày và thay đổi lần thứ 28 ngày 12/05/2021
Tài khoản tiền gửi	: 119989 tại Sở Giao Dịch Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
Vốn điều lệ	: 3.670.900.000.000 (Ba nghìn sáu trăm bảy mươi tỷ chín trăm triệu) đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 3.670.900.000.000 (Ba nghìn sáu trăm bảy mươi tỷ chín trăm triệu) đồng
Ngành nghề kinh doanh chính	: Tài chính - ngân hàng
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Ngô Quang Trung (Tổng Giám đốc)
Mã cổ phiếu	: BVB
Sàn niêm yết	: UPCoM

2. Các lĩnh vực hoạt động của BVB

Tên ngành	Mã ngành
<p>Hoạt động trung gian tiền tệ khác, chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; • Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; • Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; hoạt động bao thanh toán; bảo lãnh ngân hàng; • Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; • Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép; • Dịch vụ cầm đồ; • Phát hành thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng; • Mua, bán trái phiếu Chính phủ; mua bán trái phiếu doanh nghiệp với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch và mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN; • Ủy thác, nhận ủy thác cho vay; • Đại lý bảo hiểm; • Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan; • Cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; • Dịch vụ môi giới tiền tệ; • Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng khác và của doanh nghiệp; • Hoạt động mua nợ; • Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán trong nước; • Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; • Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Cung ứng phương tiện thanh toán; ✓ Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ. • Mở tài khoản: 	<p>6419 (Chính)</p>

Tên ngành	Mã ngành
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Mở tài khoản tại Ngân hàng nhà nước. ✓ Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. • Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; • Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; • Phát hành chứng chi tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; • Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; • Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; • Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định. 	

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (dưới đây được gọi là Ngân hàng Bản Việt), tiền thân là Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và giấy phép số 576/GP-UB ngày 08/10/1992 do Ủy Ban Nhân Dân TP HCM cấp.

- Năm 1994 - 2005: Giai đoạn vượt qua khó khăn, củng cố
 - ✓ BVB từng bước vượt qua khó khăn, dần ổn định và phát triển trong giai đoạn từ 1994-2005.
 - ✓ Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao với mức vốn điều lệ tăng lên 80 tỷ đồng.
 - ✓ Mạng lưới: 05 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch).
- Năm 2006: Bắt đầu phát triển
 - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 210 tỷ đồng.
 - ✓ Mạng lưới: 06 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 03 Phòng giao dịch).
 - ✓ Khánh thành trụ sở chính tại 135 Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.
 - ✓ Được xếp hạng 19/29 Ngân hàng thương mại trên cả nước về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội Tin học Việt Nam bầu chọn.

- Năm 2007: Tiếp tục phát triển có định hướng.
 - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 444,623 tỷ đồng.
 - ✓ Mạng lưới: 11 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 05 Chi nhánh, 05 Phòng giao dịch).
 - ✓ Ký kết Thỏa thuận đầu tư và hợp tác chiến lược với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), theo đó Vietcombank luôn duy trì tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần 30% và trở thành cổ đông chiến lược duy nhất của Ngân hàng Bản Việt, cùng những cam kết hỗ trợ toàn diện nhằm đưa Ngân hàng Bản Việt trở thành ngân hàng thương mại có khả năng cạnh tranh cao tại Việt Nam.
 - ✓ Mở rộng mạng lưới hoạt động tại các thành phố lớn của các khu vực Miền Bắc, Miền Nam, Miền Tây và Tây Nguyên.
 - ✓ Được Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Hội Khoa học Đông Nam Á phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam trao tặng “Cúp vàng thương hiệu và nhân hiệu” lần 2 năm 2007.
 - ✓ Được Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tặng giấy khen năm 2007.
 - ✓ Được Viện quản lý tri thức và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương, Tòa soạn thông tin QCA Thương mại chứng nhận danh hiệu doanh nghiệp Việt Nam uy tín, chất lượng 2007.
- Năm 2008 -2009: Duy trì tăng trưởng ổn định
 - ✓ Ngày 14/2/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 444,623 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 059036 ngày 14/2/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 218/UBCK-GCN ngày 20/11/2007 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1201/NHNN-HCM02 ngày 9/8/2007.
 - ✓ Ngày 18/12/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 059036 ngày 30/12/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 352/UBCK-GCN ngày 07/11/2008 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008.
 - ✓ Mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng từ 05 điểm giao dịch năm 2005 (01 Trụ sở, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch) lên 28 điểm giao dịch năm 2009 (01 Trụ sở, 07 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch).
 - ✓ Các cổ đông lớn của BVB là các ngân hàng thương mại có uy tín. Ngày 18/09/2007 BVB ký kết thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, đánh dấu bước ngoặt mới cho sự phát triển có định hướng của BVB. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam trở thành cổ đông chiến lược đã hỗ trợ tích cực về mọi mặt trong hoạt động của BVB: năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin,...
- Năm 2010: Ổn định nhân sự và phát huy các thế mạnh

- ✓ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Chính phủ, BVB đã hoàn thành mức vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng vào tháng 11/2010 với sự tham gia góp vốn của các cổ đông mới.
- ✓ Đồng thời, trong năm 2010 Hội đồng quản trị BVB đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc để ổn định hoạt động, và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT tiếp tục duy trì, tăng cường năng lực quản trị ngân hàng trong tình hình phát triển mới. Trên cơ sở đó, BVB cũng đã thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT để thực hiện bước chuyển mình trong thời gian tới.
- ✓ Nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh với các tổ chức tài chính khác thông qua việc phát triển các sản phẩm tiết kiệm, cho vay, BVB cũng không ngừng thay đổi diện mạo tại các điểm giao dịch trên toàn quốc. BVB đã chuyển đổi thành công Trụ sở chính về Trung tâm Q.1, tiến hành mua bất động sản tại Trung tâm TP Buôn Ma Thuột để chuyển địa điểm trụ sở Chi nhánh Buôn Ma Thuột, chuyển địa điểm trụ sở chi nhánh Bạch Đằng, chi nhánh Sài Gòn. Đồng thời sửa chữa và đưa vào hoạt động cho các Phòng giao dịch có vị trí thuận lợi. Kết quả thu được là các đơn vị không ngừng gia tăng hoạt động và hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao.
- Năm 2011: Hoàn thành các bước phát triển cơ bản, nâng cao năng lực cạnh tranh
 - ✓ Hoàn tất kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng trong Quý 3, và sẽ tiếp tục tăng vốn lên theo quy định của NHNN. Chú trọng công tác đầu tư, phát triển mạng lưới, phấn đấu tăng thêm 25-30 điểm giao dịch mới tại các thị trường tiềm năng trong cả nước, nâng tổng số điểm giao dịch lên 60 điểm.
 - ✓ Bên cạnh đó, từng bước chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, chú trọng đến công tác phòng ngừa và quản lý rủi ro. Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày một tốt hơn các nhu cầu và lợi ích của khách hàng, phấn đấu trở thành “Ngân hàng tin cậy cho kế hoạch tài chính của khách hàng”, và là một điểm đầu tư hấp dẫn cho quý cổ đông, đối tác. Xây dựng một đội ngũ lãnh đạo ngân hàng với đầy đủ phẩm chất đạo đức và trí tuệ, để chuẩn bị các bước phát triển mới trong tương lai.
 - ✓ Nâng cao công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo lại và đào tạo chuyên sâu cho toàn thể CBNV, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới trong năm tới nói riêng và yêu cầu phát triển và hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. Xác định rõ mục tiêu chiến lược trong năm 2011, xây dựng các giải pháp, chuẩn bị các bước đi an toàn, vững chắc, thương hiệu BVB sẽ được nâng lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích cho quý cổ đông, đối tác và khách hàng. Đồng thời góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước.
- Năm 2012 - 2013
 - ✓ Giai đoạn bước ngoặt của Ngân hàng với việc đổi tên gọi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt – Viet Capital Bank.
 - ✓ Vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng.
 - ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục phát triển mạnh với 39 điểm giao dịch gồm: 01 Trụ sở chính, 17 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch và 01 Quỹ tiết kiệm.
 - ✓ Tổng số nhân viên là 923 nhân sự.

BẢN CÁO BẠCH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

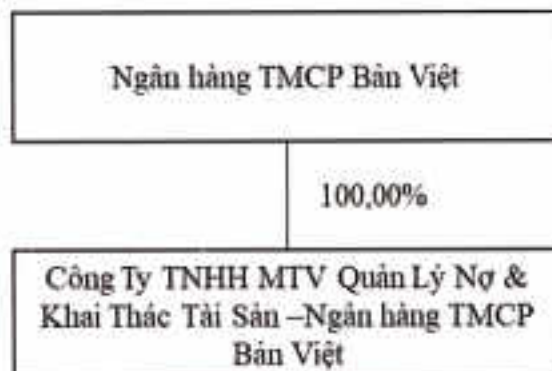
- ✓ 2013 là năm đánh dấu những bước phát triển mạnh mẽ của BVB. Điển hình như sự vận hành thành công của hệ thống Core Banking mang đến nhiều tính năng ưu việt cho hệ điều hành quản trị và tăng cường năng lực cạnh tranh trong thời đại công nghệ, ngân hàng trực tuyến mở rộng với dự án Mobile Banking; sự gia nhập liên minh Thẻ quốc tế Visa, MasterCard, ...
- ✓ Tiêu biểu: Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 200 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet bình chọn.
- Năm 2014 - 2015
 - ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục được mở rộng và tập trung nâng cấp toàn hệ thống với 09 Chi nhánh, Phòng giao dịch di dời và chuẩn hóa kiến trúc, 02 Chi nhánh, Phòng giao dịch thay đổi tên gọi.
 - ✓ Tổng số nhân viên nâng lên 1.221 nhân sự tính đến thời điểm cuối năm 2015
 - ✓ Ngân hàng tập trung đẩy mạnh các hoạt động về quản trị hệ thống, tổ chức đội ngũ nhân sự mới. Song song đó, Ngân hàng cũng đầu tư sâu vào Công nghệ Thông tin và đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ.
 - ✓ Tiêu biểu:
 - Ra mắt ứng dụng Viet Capital Mobile Banking.
 - Ký thoả thuận hợp tác phát triển giải pháp Phòng chống rửa tiền cùng Công ty Cổ phần Komtek và FircoSoft.
- 2016 - 2018

Triển khai chiến lược hoạt động giai đoạn 2016 – 2020, trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hướng đến khách hàng Cá nhân và khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ

 - ✓ Vốn điều lệ: 3.000 tỷ đồng
 - ✓ Hợp tác với tổ chức thẻ tín dụng quốc tế Visa, ra mắt thẻ Visa Bản Việt công nghệ 3D
 - ✓ Hợp tác cùng KPMG thực hiện hệ thống Phê duyệt và Khởi tạo tín dụng (LOS)
 - ✓ Là một trong 10 ngân hàng đầu tiên đạt chứng chỉ quốc tế về bảo mật thẻ PCI- DSS (Payment Card Industry Data Security Standard)
 - ✓ Xây dựng mới Ngân hàng số: Mobile Banking và Internet Banking KHCN và KHDN, Tích hợp Smart OTP, mở tài khoản online
 - ✓ Mở rộng hệ sinh thái với các đối tác Fintech: Zalo Pay, AirPay, GrabPay by Moca, ...
 - ✓ Hợp tác bảo hiểm phi nhân thọ cùng Bảo hiểm Bảo Long và bảo hiểm nhân thọ cùng AIA Việt Nam
 - ✓ Phát triển nhanh hệ thống mạng lưới: 70 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 25 chi nhánh, 44 phòng giao dịch (Tính đến cuối năm 2018)
- 2019 – 2020: Tiến nhanh trên lộ trình số hóa
 - ✓ Vốn điều lệ: 3.171 tỷ đồng

- ✓ Hợp tác với tổ chức phát hành thẻ quốc tế JCB ra mắt bộ 3 thẻ tín dụng JCB Bản Việt và tiếp tục ra mắt thẻ tín dụng Visa Corporate Bản Việt dành cho khách hàng doanh nghiệp
- ✓ Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác Fintech: Momo, ZaloPay, Moca, QR Pay, AirPay, thu hộ Payoo
- ✓ Là ngân hàng tiên phong trong việc triển khai mở tài khoản thanh toán bằng thiết bị di động eKYC
- ✓ Trở thành đối tác chiến lược cung cấp nền tảng cho ngân hàng số Timo Plus
- ✓ Ngân hàng thứ 12 được triển khai sớm tỷ lệ an toàn vốn Basel II
- ✓ Chính thức lên sàn chứng khoán UPCoM (mã chứng khoán: BVB) vào tháng 09/2020
- ✓ Chính thức sạch nợ xấu tại VAMC
- ✓ **Hệ thống mạng lưới:** 87 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 30 chi nhánh, 56 phòng giao dịch.
- 2021:
 - ✓ Vốn điều lệ: 3.670,9 tỷ đồng
 - ✓ Ngân hàng đã hoàn thành các dự án trọng điểm phục vụ cho việc quản trị chất lượng và hiệu quả hoạt động như dự án phân tích lợi nhuận đa chiều, lợi nhuận điều chỉnh rủi ro trên vốn RAROC.
 - ✓ Ngân hàng cũng bắt đầu triển khai các dự án hiện đại hóa và nâng cao minh bạch theo chuẩn mực quốc tế như dự án Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9, hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM trên nền điện toán đám mây.
 - ✓ Cuối năm 2021, Ngân hàng Bản Việt triển khai thành công dự án “Mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều” – đây là một công cụ tài chính để ghi nhận doanh thu và phân bổ chi phí, tổng hợp chuỗi giá trị theo từng chiều phân tích. Kết quả của việc triển khai mô hình này, Ngân hàng Bản Việt sẽ có thêm công cụ để hỗ trợ việc thực hiện các quyết định kinh doanh chiến lược liên quan đến doanh thu, chi phí, thúc đẩy lợi nhuận.
 - ✓ Bản Việt là một trong các ngân hàng đưa vào các tính năng giao dịch mới phục vụ khách hàng không cần phải đến ngân hàng như mở thẻ tín dụng online, chuyển và nhận tiền 24/7 bằng QR hoặc số điện thoại, vay cầm cố sổ tiết kiệm, nhiều hình thức gửi tiết kiệm để chọn lựa trên ngân hàng số Digimi.
 - ✓ Hệ thống mạng lưới: 88 điểm giao dịch trên toàn quốc, bao gồm 01 Trụ sở chính, 31 chi nhánh và 56 phòng giao dịch

4. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Ngân hàng



Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt được thành lập từ ngày 08/12/2011, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0311401011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. BVB sở hữu 100,00% vốn điều lệ (100 tỷ đồng) của Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt. Công ty hoạt động trong lĩnh vực Quản lý tài sản. Công ty tiếp nhận, quản lý các tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nhanh nhất; bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng thương mại theo giá thị trường theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật; xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp; các hoạt động quản lý tài sản đảm bảo khác phù hợp với quy định của pháp luật.

5.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của BVB. Đại hội đồng cổ đông họp định kỳ mỗi năm 01 lần, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ BVB.

5.2. Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị hoạt động của BVB. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên HĐQT có nhiệm kỳ 05 năm. Người đứng đầu HĐQT là Chủ tịch HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ BVB và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT trong từng thời kỳ. Hiện tại HĐQT của BVB có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập.

5.3. Văn phòng HĐQT

Là bộ phận giúp việc cho HĐQT, được HĐQT quyết định thành lập. HĐQT quy định vai trò, nhiệm vụ của Văn phòng HĐQT, lựa chọn, bổ nhiệm các cán bộ làm việc tại Văn phòng HĐQT phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Số lượng nhân sự làm việc tại Văn phòng HĐQT, chi phí hoạt động, tiền lương, tiền thưởng của nhân sự làm việc tại Văn phòng HĐQT do HĐQT quyết định. Các chi phí này hạch toán vào chi phí kinh doanh của BVB.

Văn phòng HĐQT có nhiệm vụ tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện hoạt động quản trị BVB, là cầu nối truyền tải thông tin giữa HĐQT và Ban điều hành; giữa HĐQT và cổ đông và ngược lại. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng HĐQT được HĐQT quy định trong quy chế hoạt động định theo Quy chế về tổ chức và hoạt động Văn phòng Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ công tác quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Người phụ trách quản trị Ngân hàng không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

5.4. Ban Kiểm soát

Là cơ quan kiểm soát mọi hoạt động của BVB. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên BKS có nhiệm kỳ 05 năm. Người đứng đầu Ban kiểm soát là Trưởng Ban kiểm soát. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát BVB trong từng thời kỳ. Hiện tại, BKS của BVB có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách.

5.5. Phòng kiểm toán nội bộ

BVB thành lập Phòng Kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ tổ chức tín dụng. P.Kiểm toán nội bộ của BVB được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc hoặc tổ chức Phòng Kiểm toán nội bộ tại Hội sở tùy theo quy mô, mức độ, phạm vi và đặc thù, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động Kiểm toán nội bộ BVB.

HĐQT quyết định về tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ, chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm kiểm toán viên nội bộ, Trưởng và Phó Phòng Kiểm toán nội bộ.

Được thành lập theo quyết định của BVB, trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát trực thuộc và chịu sự chỉ đạo của Ban kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động Kiểm toán nội bộ BVB.

BẢN CÁO BẠCH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

5.6. Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Ngân hàng số, các Ủy ban và Hội đồng, tiểu ban khác

HDQT thành lập và duy trì Ủy ban ALCO, Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng và tiêu chuẩn của các thành viên của các ủy ban này do HDQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài các ủy ban giúp việc này, HDQT có thể thành lập các ủy ban giúp việc khác (nếu cần thiết).

HDQT thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HDQT tùy từng thời điểm, bao gồm các tiểu ban sau: Tiểu ban chính sách phát triển; Tiểu ban lương thưởng; và các tiểu ban đặc biệt khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất 01 (một) thành viên HDQT độc lập làm trưởng ban. Trường hợp BVB không thành lập các tiểu ban thì HDQT cử thành viên HDQT độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng.

5.7. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng; giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHDCĐ và HDQT về thực hiện công việc được giao. Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc tuân thủ theo Điều lệ và quy định của BVB.

5.8. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HDQT quy định

Phó Tổng Giám đốc trợ giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo phân công của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do HDQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nội bộ Ngân hàng

5.9. Các Đơn vị nghiệp vụ BVB

Các Đơn vị nghiệp vụ được tổ chức, bố trí theo từng Khối do Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối phụ trách. Một số Đơn vị nghiệp vụ có thể do Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách. Đứng đầu Đơn vị nghiệp vụ thuộc Khối là Giám đốc.

5.9.1. Cơ cấu tổ chức tại Trụ sở chính

- a. Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Định chế
- b. Khối Khách hàng Cá nhân
- c. Khối Kinh doanh vốn
- d. Khối Quản lý Rủi ro
- e. Khối Thẩm định Tín dụng
- f. Khối Tài chính
- g. Khối Công nghệ Thông tin
- h. Khối Vận hành

- i. Khối Hỗ trợ
- j. Các đơn vị trực thuộc Tổng giám đốc
- k. Trung tâm Kinh doanh

5.9.2. Chi nhánh

- a. Phòng giao dịch trực thuộc

5.9.3. Các công ty trực thuộc/Liên doanh liên kết

- a. Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản –Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- b. Các Công ty trực thuộc/ Liên doanh Liên kết khác: không

5.10. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng TMCP Bản Việt

Tính đến cuối ngày 31/12/2022 mạng lưới hoạt động của BVB bao gồm 116 điểm giao dịch trên toàn hệ thống: 01 Trụ sở chính, 38 Chi nhánh và 77 Phòng giao dịch (bao gồm các điểm giao dịch đã được NHNN cấp phép thành lập nhưng chưa khai trương hoạt động).

Bảng 1: Mạng lưới hoạt động của BVB tính đến 31/12/2022

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Hội sở	412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	1900 555 596
2	Chi nhánh Tây Sài Gòn	504 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 3971 7900
3	PGD Tân Bình	150 - 152 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 6296 2998
4	PGD Gò Vấp	1339-1341 Phan Văn Trị, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 6264 3930
5	PGD Phú Nhuận	172A Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 3995 9553
6	PGD Quận 11	395-397 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 6296 7778
7	Chi nhánh Đông Sài Gòn	37 + 35/1 đường Trần Nãi, Khu Phố 4, Phường An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 6269 2692
8	PGD Thủ Đức	158 Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 6280 8683
9	PGD Bình Thạnh	306 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 3899 0736
10	PGD Lê Văn Sỹ	154 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 6281 7752
11	Chi nhánh Nam Sài Gòn	867-869 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 6295 9279

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
12	PGD Quận 10	211 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 6299 7236
13	PGD Bến Thành	26+28+28/1 Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 3925 3595
14	PGD Chợ Lớn	445 - 447 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 6261 6042
15	PGD Phú Mỹ Hưng	396A Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Quy, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	(084-028) 3771 3212
16	Chi nhánh Bắc Sài Gòn	Một phần căn nhà 580 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	(084-028) 3535 5408
Thủ đô Hà Nội			
17	Chi nhánh Hà Nội	109 Xã Đàn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	(084-024) 3883 9696
18	PGD Đống Đa	Tầng 1 và tầng lửng Số 20 Võ Văn Dũng, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	(084-024) 3573 8204
19	PGD Hai Bà Trưng	382-384 Trần Khát Chân, Tổ 1, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	(084-024) 3623 0716
20	PGD Hoàn Kiếm	67 Phố Trần Xuân Soạn, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	(084-024) 3936 7595
21	PGD Ba Đình	16 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	(084-024) 3554 3869
22	Chi nhánh Thăng Long	375-377 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	(084-024) 3753 7788
23	PGD Cầu Giấy	Số 9 Lô 2B Khu đô thị Trung Yên, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội (139 Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội)	(084-024) 3754 9828
24	PGD Mỹ Đình	Ô số 130, Lô TT1, Khu tái định cư 7.3 & 8.1 (tương đương địa chỉ 78 Nguyễn Hoàng), Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	(084-0243) 9521199
25	Chi nhánh Thủ Đô	23G-23H Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	(084-0243) 2515 222
Thành phố Cần Thơ			
26	Chi nhánh Cần Thơ	135H-135Y Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	(084-0292) 3733 740
27	PGD Ninh Kiều	307 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	(084-0292) 3627 299
28	PGD Thới Lai	Ấp Thới Thuận A, Thị trấn Thới Lai, Huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ	(084-0292) 3532 537

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
29	PGD Cờ Đỏ	Thửa đất số 764, tờ bản đồ số 6, đường tỉnh 919, Ấp Thới Thuận, Thị trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, Tp. Cần Thơ	(084-0292) 3777 666
Thành phố Đà Nẵng			
30	Chi nhánh Đà Nẵng	267-269 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	(084-0236) 3584 603
31	PGD Hải Châu	425 Trưng Nữ Vương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	(084-0236) 3659 076
32	PGD Sông Hàn	124 - 126 đường 2 Tháng 9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	(084-0236) 3654 589
33	PGD Thanh Khê	137 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	(084-0236) 3668 871
34	Chi nhánh Sông Hàn	Toà nhà văn phòng CAMELIA DANANG, số 773 Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	
Tỉnh An Giang			
35	Chi nhánh An Giang	1219 Trần Hưng Đạo, Khóm Bình Long 2, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	(084-0296) 3727 357
36	PGD Phú Tân	248 Tôn Đức Thắng, Ấp Trung 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	(084-0296) 3588 699
37	PGD Thoại Sơn	350 Nguyễn Huệ, Ấp Bắc Sơn, Thị trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	(084-0296) 3879 222
38	PGD Châu Đốc	06 Phan Văn Vàng, Phường Châu Phú A, Tp. Châu Đốc, Tỉnh An Giang	(084-0296) 3510 352
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			
39	Chi nhánh Vũng Tàu	20G2 Nguyễn Thái Học, Phường 7, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	(084-0254) 3616 555
40	PGD Châu Đức	324 Lê Hồng Phong, Thị trấn Ngãi Giao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	(084-0254) 3882 456
41	PGD Bà Rịa	03 Nguyễn Thanh Đăng, Phường Phước Hiệp, Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	(084-0254) 3627 999
42	PGD Tân Thành	304 Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	(084-0254) 3938 688
Tỉnh Bình Dương			
43	Chi nhánh Bình Dương	316 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	(084-0274) 3856 341
44	PGD Sò Sao	1491 Khu phố 4, Phường Hiệp An, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	(084-0274) 3556 056

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
45	PGD Dĩ An	86 Nguyễn An Ninh, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	(084-0274) 3739 712
46	PGD Tân Uyên	Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 59, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	(084-0274) 3877 779
47	Chi nhánh Thuận An	Thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 91 (E2), Khu phố Bình Đức, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	
Tỉnh Bình Thuận			
48	Chi nhánh Bình Thuận	252 Tôn Đức Thắng, Phường Phú Thủy, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	(084-0252) 3939 139
49	PGD Phan Thiết	487 Trần Hưng Đạo, Phường Lạc Đạo, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	(084-0252) 3636 068
50	PGD La Gi	137 - 137A Lê Lợi, KP4, Phường Phước Hội, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận	(084-0252) 3588 188
51	PGD Phan Rí Cửa	44 - DP31 Thống Nhất, Thị trấn Phan Rí Cửa, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	(084-0252) 3972 999
Tỉnh Cà Mau			
52	Chi nhánh Cà Mau	66A Trần Hưng Đạo, Phường 5, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	(084-0290) 3737 373
53	PGD Đầm Dơi	105 Đường 19/5, Khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau	(084-0290) 3983 986
54	PGD Minh Hải	243 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	(084-0290) 3636 369
55	PGD Sông Đốc	Khóm 10, Thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mau	(084-0290) 3890 789
Tỉnh Đắk Lắk			
56	Chi nhánh Đắk Lắk	48 Phan Bội Châu, Phường Thắng Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	(084-0262) 6252 888
57	PGD Buôn Hồ	627 Hùng Vương, Phường An Lạc, Thị xã Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk	(084-0262) 6272 345
58	PGD Krông Pắc	370 Giải Phóng, Thị trấn Phước An, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	(084-0262) 3836 839
59	PGD Lắk	212 Nguyễn Tất Thành, Thị trấn Liên Sơn, Huyện Lắk, Tỉnh Đắk Lắk	(084-0262) 3843 333
Tỉnh Đồng Nai			
60	Chi nhánh Đồng Nai	35-36-37 Đồng Khởi, Phường Tam Hòa, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	(084-0251) 6262 666
61	PGD Trảng Bom	2528 Quốc lộ 1A, Ấp Thanh Hóa, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	(084-0251) 3869 797

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
62	PGD Biên Hòa	1503 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 5, Phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	(084-0251) 2814 196
63	PGD Long Khánh	473A, Tổ 1, Khu phố 4, Phường Xuân Thanh, Tp. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	(084-0251) 2814 247
Tỉnh Long An			
64	Chi nhánh Long An	41 Trà Quý Bình, Phường 2, Tp. Tân An, Tỉnh Long An	(084-0272) 3525 512
65	PGD Kiến Tường	01 Trần Hưng Đạo, Khu phố 1, Phường 1, Thị xã Kiến Tường, Tỉnh Long An	(084-0272) 3951 111
66	PGD Bến Lức	108 Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố 3, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	(084-0272) 3635 868
67	PGD Đức Hòa	136 Tỉnh Lộ 10, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	(084-0272) 3774 424
Tỉnh Khánh Hòa			
68	Chi nhánh Nha Trang	14 Ngô Gia Tự, Phường Phước Tiến, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	(084-0258) 3816 888
69	PGD Vĩnh Hải	423 Đường 02/04, Phường Vĩnh Hải, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	(084-0258) 3544 779
70	PGD Bình Tân	27/24 Đường 7B, Phường Phước Long, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	(084-025) 6823 479
71	PGD Cam Ranh	409 Đường 3 Tháng 4, Phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	(084-025) 6823 479
Tỉnh Tây Ninh			
72	Chi nhánh Tây Ninh	392-394 Đường 30/4, KP1, Phường 3, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	(084-0276) 3818 883
73	PGD Tân Biên	95 Nguyễn Văn Linh, Khu phố III, Thị trấn Tân Biên, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh	(084-0276) 3816 818
74	PGD Trảng Bàng	16-17 Quốc lộ 22, Khu phố Lộc An, Phường Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	(084-0276) 3888 388
75	PGD Hòa Thành	142 Hùng Vương, khu phố 4, Phường Long Hoa, Thị xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh	(084-0276) 3775 777
Tỉnh Tiền Giang			
76	Chi nhánh Tiền Giang	143 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	(084-0273) 3979 333
77	PGD Gò Công	19 Nguyễn Huệ, Khu phố 1, Phường 1, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang	(084-0273) 3512 979
78	PGD Cai Lậy	13 Đường tỉnh 868, Khu phố 1, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	(084-0273) 3919 587

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
79	PGD Mỹ Tho	Lô đất thửa 15 - 16, Tờ bản đồ số 45, ấp Mỹ Thạnh, Xã Mỹ Phong, Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	(084-0273) 3839 993
Tỉnh Kiên Giang			
80	Chi nhánh Kiên Giang	169 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	(084-0297) 6269 666
81	PGD Phú Quốc	285 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Tp. Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	(084-0297) 3626 869
82	PGD Hà Tiên	Tổ 15, Nguyễn Phúc Chu, Khu phố 1, Phường Pháo Đài, Tp. Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang	(084-0297) 3687 968
83	PGD Rạch Giá	Số Lô 10, căn 7, Phường An Hoà, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	
Thành phố Hải Phòng			
84	Chi nhánh Hải Phòng	326-328 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng	(084-0225) 3662 266
85	PGD Hồng Bàng	169 Bạch Đằng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng	(084-0225) 3525 995
86	PGD Ngô Quyền	111 - 113 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	(084-0225) 3999 887
87	PGD Hải An	Lô 5 số 44 (trung ứng địa chỉ số 46) Lê Lai, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	(084-0225) 3999 938
Tỉnh Quảng Ninh			
88	Chi nhánh Quảng Ninh	20 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	(084-0203) 3656 569
89	PGD Bãi Cháy	501 đường Hạ Long, P. Bãi Cháy, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	
90	PGD Cẩm Phả	577 Trần Phú, Tổ 6, Khu 5A, Phường Cẩm Trung, Tp. Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	(084-0203) 3699 869
91	PGD Hạ Long	Số 559 Cao Thắng, Phường Cao Thắng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	
Tỉnh Bắc Ninh			
92	Chi nhánh Bắc Ninh	Lô Thương mại SH-08 và SH-09, Tòa nhà Lotus Central, số 28 Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	(084-0222) 3893 338
93	PGD Kinh Bắc	10 Nguyễn Đăng Đạo, Phường Tiên An, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	(084-0222) 3868 693
94	PGD Từ Sơn	380 Trần Phú, Phường Đông Ngàn, Tp. Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	(084-0222) 3636 188

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
95	PGD Quế Võ	Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 67, Khu đô thị mới, Thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh	
Tỉnh Gia Lai			
96	Chi nhánh Gia Lai	69A-71A-71 Đinh Tiên Hoàng, Phường Diên Hồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	(084-0269) 3858 888
97	PGD Đak Đoa	32 Đinh Tiên Hoàng, TDP5, Thị trấn Đak Đoa, Huyện Đak Đoa, Tỉnh Gia Lai	(084-0269) 3898 899
98	PGD Pleiku	290 Nguyễn Tất Thành, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	(084-0269) 3883 887
99	PGD Chư Sê	Số 55 Đường 17/3, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	
Tỉnh Sóc Trăng			
100	Chi nhánh Sóc Trăng	30A Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường 2, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	(084-0299) 3818 819
101	PGD Hùng Vương	Số 157 - 157A Hùng Vương, Khóm 1, Phường 6, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	(084-0299) 3882 883
102	PGD Ngã Năm	09 - 11 Mai Thanh Thế, Khóm 1, Phường 1, Thị xã Ngã Năm, Tỉnh Sóc Trăng	(084-0299) 3524 567
103	PGD Kế Sách	Số 30 Đường Tinh lộ 1, Ấp An Thành, Thị trấn Kế Sách, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng	
Tỉnh Nghệ An			
104	Chi nhánh Nghệ An	Căn hộ liền kề số 14, Tòa nhà số 02, Đường Trần Phú, Phường Hồng Sơn, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An	(084-0238) 3529 999
105	PGD Bến Thủy	Tầng 1 + 2, số 172 Nguyễn Du, Khối 11, Phường Bến Thủy, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An	(084-0238) 3928 999
106	PGD Vinh	Nhà liền kề LK1-19 Dự án khu nhà ở Trường Thịnh Phát, đường V.I Lê Nin, Khối Yên Sơn, Phường Hà Huy Tập, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An	(084-0238) 3599 769
107	PGD Diễn Châu	Mặt bằng MB01, Kí ốt 3 tầng tại Trung tâm thương mại Diễn Châu, Thị trấn Diễn Châu, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	
Tỉnh Thanh Hóa			
108	Chi nhánh Thanh Hóa	27-29 Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	(084-0237) 3966 668
Tỉnh Đồng Tháp			
109	Chi nhánh Đồng Tháp	228-230-232 Nguyễn Huệ, Phường 2, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	(084-0277) 3656 888
Tỉnh Lâm Đồng			

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
110	Chi nhánh Lâm Đồng	Thửa đất 29 và thửa đất 1205 tờ bản đồ số 55 (tương ứng địa chỉ số 7 và 9 Thống Nhất), Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	(084-0263) 3668 268
Tỉnh Bình Định			
111	Chi nhánh Bình Định	02 Trường Chinh, Phường Lý Thường Kiệt, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	(084-0258) 3956 688
Tỉnh Bình Phước			
112	Chi nhánh Bình Phước	1021 Phú Riêng Đò, Phường Tân Bình, Tp. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	(084-0281) 3880 004
Tỉnh Đắk Nông			
113	Chi nhánh Đắk Nông	49 Chu Văn An, Phường Nghĩa Thành, Tp. Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	(084-0261) 6292 929
Tỉnh Thái Nguyên			
114	Chi nhánh Thái Nguyên	642 - 644 Lương Ngọc Quyến, Phường Đồng Quang, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	(084-0208) 3936 111
Tỉnh Bắc Giang			
115	Chi nhánh Bắc Giang	Tầng 1 + 2 +3, số 275 - 277 Nguyễn Thị Lưu, Phường Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	(084-0240) 3525 096
Tỉnh Hưng Yên			
116	Chi nhánh Hưng Yên	Số 31B Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lê Lợi, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

6. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

6.1. Danh sách công ty mẹ

Không có

6.2. Danh sách công ty con trực tiếp của tổ chức phát hành

Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng TMCP Bản Việt

Địa chỉ: 504 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Q. Tân Bình, TP.HCM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0311401011

Ngày thành lập: đăng ký lần đầu ngày 08/12/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp

Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng

Công ty hoạt động trong lĩnh vực:

- ✓ Tiếp nhận, quản lý các tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng theo các quyết định, bản án) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nhanh nhất.
- ✓ Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của ngân hàng thương mại theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.
- ✓ Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ.
- ✓ Các hoạt động quản lý tài sản bảo đảm khác theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP Bản Việt hiện đang nắm giữ 100% vốn cổ phần tại Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng TMCP Bản Việt.

6.3. Danh sách công ty con gián tiếp của tổ chức phát hành

Không có

6.4. Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

6.5. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

7. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của Ngân hàng

Năm 1992, Ngân hàng đi vào hoạt động với mức vốn điều lệ là 05 tỷ đồng và trải qua nhiều đợt tăng vốn như sau:

Bảng 2: Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Bản Việt

Đơn vị: Triệu đồng

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
Tháng 8/1992		5.000	Vốn ban đầu	Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 của NHNN
Tháng 12/1993	5.000	20.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 2, ngày 28/12/1993 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 8/2005	20.000	80.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 5, ngày 30/08/2005 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	80.000	166.040	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Văn bản số 885/NHNN-HCM02 ngày 06/07/2006 của NHNN

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
				Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 7, ngày 12/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	166.040	210.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Văn bản số 1803/NHNN-HCM02 ngày 26/12/2006 của NHNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 8, ngày 27/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 7/2007	210.000	322.618	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Văn bản số 599/NHNN-HCM02 ngày 25/04/2007 của NHNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 9, ngày 24/07/2007 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2007-2/2008	322.618	500.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 11, ngày 14/02/2008 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2008	500.000	1.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành từ thặng dư vốn cổ phần	Văn bản số 1668/NHNN-HCM.02 ngày 23/09/2008 và 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008 của NHNN Giấy chứng nhận số 352/GCN-UBCK ngày 07/11/2008 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 15, ngày 30/12/2008 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 11/2010	1.000.000	2.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN Giấy chứng nhận số 660/GCN-UBCK ngày 06/09/2010 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 17, ngày 11/11/2010 của Sở KHĐT TP. HCM

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
Tháng 8/2011	2.000.000	3.000.000	Phát hành cổ phiếu thương và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 20/07/2011 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 19, ngày 25/08/2011 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 4/2019	3.000.000	3.171.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Văn bản số 7449/NHNN-TTGSNH ngày 03/10/2018 của NHNN Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 14/11/2018 Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 27, ngày 25/04/2019 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 5/2021	3.171.000	3.670.900	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho người lao động (ESOP)	Văn bản số 7706/NHNN-TTGSNH ngày 22/10/2020 của NHNN Giấy chứng nhận số 306/GCN-UBCK ngày 17/12/2020 và văn bản số 354/UBCK-QLCB ngày 01/02/2021 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 28, ngày 12/05/2021 của Sở KHĐT TP. HCM

Nguồn: Ngân hàng Bàn Việt

8. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

Không có

9. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

9.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 30/09/2022

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của BVB tại thời điểm 30/09/2022

Danh mục	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
Tổng số cổ phiếu phổ thông	12.393	367.090.000	3.670.900.000.000	100,00%
Tổng cổ đồng trong nước:	12.360	366.709.728	3.667.097.280.000	99,90%
Cổ đồng là Tổ chức	27	31.766.991	317.669.910.000	8,65%
Cổ đồng là Cá nhân	12.333	334.942.737	3.349.427.370.000	91,24%
Tổng cổ đồng nước ngoài:	33	380.272	3.802.720.000	0,10%
Cổ đồng là Tổ chức	1	100	1.000.000	0,00%
Cổ đồng là Cá nhân	32	380.172	3.801.720.000	0,10%
Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0	0,00%

Nguồn: Ngân hàng Bàn Việt

9.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

9.3. Các loại chứng khoán khác

Trái phiếu Ngân hàng Bàn Việt tại thời điểm 31/12/2022

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Ngày thực hiện quyền mua lại	Đặc điểm loại trái phiếu
TPRL012020	1,0	8,2%	6 năm	04/11/2020	04/11/2026	04/11/2022	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2128004	100,0	8,2%	7 năm	18/11/2021	18/11/2028	18/02/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBH2124005	1.000,0	6,0%	3 năm	17/12/2021	17/12/2024	17/12/2023	Trái phiếu thường
BVBLH2128006	230,0	8,5%	7 năm	29/12/2021	29/12/2028	29/03/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2229001	200,0	8,6%	7 năm	14/01/2022	14/01/2029	14/04/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229002	100,0	8,6%	7 năm	04/03/2022	04/03/2029	04/06/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229003	150,0	8,6%	7 năm	08/03/2022	08/03/2029	08/06/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229004	100,0	8,6%	7 năm	24/03/2022	24/03/2029	24/06/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229005	200,0	8,6%	7 năm	05/04/2022	05/04/2029	05/07/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229006	100,0	8,6%	7 năm	08/04/2022	08/04/2029	08/07/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229007	60,0	8,6%	7 năm	05/08/2022	05/08/2029	05/03/2024	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229008	100,0	8,6%	7 năm	30/08/2022	30/08/2029	30/03/2024	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229009	100,0	8,6%	7 năm	31/08/2022	31/08/2029	31/03/2024	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVB121034	819,1	8,5%	7 năm	30/12/2021	30/12/2028	30/03/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVB122028	967,7	8,6%	7 năm	26/08/2022	26/08/2029	26/02/2024	Trái phiếu nợ thứ cấp

10. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 30%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của ĐHĐCĐ số 01/21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 và Điều lệ của BVB là 5%.

BVB đã báo cáo với UBCKNN theo công văn số 3248/UBCK-PTTT ngày 30/06/2021 tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 5%;

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Ngân hàng tại ngày 30/09/2022: 0,103575% và được nắm giữ bởi 33 cổ đông.

11. Hoạt động kinh doanh

11.1. Ngành nghề kinh doanh

Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; Bao thanh toán; Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và chứng từ có giá; Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật hiện hành, làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

11.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

11.2.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

a. Sản phẩm tiền gửi

- Tiền gửi thanh toán cá nhân và doanh nghiệp: là loại tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng, bao gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi được sử dụng với mục đích hưởng lãi căn cứ vào kỳ hạn gửi, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm không kỳ hạn: là loại tài khoản được sử dụng với mục đích là gửi hoặc rút tiền mặt bất kỳ lúc nào, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, EUR.
- Tiền gửi có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi có kỳ hạn áp dụng cho cá nhân, tổ chức, gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm tích lũy: là hình thức tiết kiệm có kỳ hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân, loại tiền VND, cho phép khách hàng gửi góp định kỳ hàng tháng hoặc nộp tiền tiết kiệm tích lũy trong suốt kỳ hạn gửi.
- Sản phẩm tiền gửi bảo hiểm: là hình thức tiền gửi có kỳ hạn trả lãi trước áp dụng cho khách hàng cá nhân, theo đó khách hàng nhận lãi trước và dùng tiền lãi trước để thanh toán phí bảo hiểm nhân thọ.

- Tiền gửi linh hoạt: Là hình thức tiền gửi có kỳ hạn, cho phép khách hàng linh hoạt chọn ngày đến hạn mong muốn và lãi suất áp dụng linh hoạt theo mức tiền gửi của khách hàng.
- Chứng chỉ tiền gửi: là hình thức huy động giấy tờ có giá có kỳ hạn của Ngân hàng, loại tiền VND, khách hàng tham gia cam kết không tất toán trước hạn khi chưa đến hạn thanh toán.
- Trái phiếu (huy động KHDN kỳ hạn 7 năm).

b. Sản phẩm cho vay

Cung cấp tín dụng cho các khách hàng là cá nhân hoặc doanh nghiệp nhằm phục vụ cho các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống:

- Cho vay sản xuất kinh doanh Phi nông nghiệp.
- Cho vay sản xuất kinh doanh Nông nghiệp.
- Cho vay Buôn chuyển nông nghiệp.
- Cho vay mua khoán quyền khai thác nông sản.
- Cho vay Ứng vốn linh hoạt.
- Cho vay mua Bất động sản.
- Cho vay xây dựng, sửa chữa nhà.
- Cho vay mua xe ô tô (kinh doanh, đi lại..).
- Cho vay đối với cán bộ công nhân viên của ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Cho vay tín chấp Cán bộ công nhân viên hành chính sự nghiệp, Tổ chức chính trị xã hội.
- Cho vay tín chấp đối với khách hàng cá nhân khác.
- Cho vay mua Căn hộ của các Dự án bất động sản liên kết.
- Cho vay mua Bất động sản các dự án liên kết với ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Cho vay cầm cố khoản tiền gửi và giấy tờ có giá tại quầy hoặc online (sổ tiết kiệm, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi,...).
- Cho vay sản xuất, thương mại và dịch vụ (ngắn hạn, trung dài hạn).
- Cho vay bổ sung vốn lưu động - Sản phẩm tài trợ trọn gói dành cho KH SMEs
- Cấp tín dụng công trình có vốn đầu tư công.
- Cho vay đầu tư dự án.

c. Các sản phẩm dịch vụ khác

- Dịch vụ bảo lãnh, thu đổi ngoại tệ mặt, chuyển tiền Western Union, thanh toán quốc tế ...
- Dịch vụ Ngân hàng điện tử: Internet Banking, Mobile Banking ...
- Kinh doanh ngoại tệ, mua bán nhà qua Ngân hàng ...
- Dịch vụ chi hộ lương, thanh toán thuế hải quan 24/7...

- Dịch vụ thẻ tín dụng

11.2.2. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu (Hợp nhất)

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.323.598	90%	4.586.594	90%	5.541.744	89%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	110.354	2%	143.881	3%	202.762	3%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	136.718	3%	184.357	4%	413.654	7%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán	183.625	4%	149.909	3%	10.352.31	0%
Thu nhập từ hoạt động khác	54.305	1%	58.744	1%	87.932	1%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	175	0%	292	0%	-	0%
Tổng	4.808.775	100%	5.123.777	100%	6.256.444	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu (Riêng lẻ)

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.323.598	90%	4.586.594	90%	5.541.744	89%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	110.354	2%	143.881	3%	202.762	3%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	136.718	3%	184.357	4%	413.654	7%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán	183.625	4%	149.909	3%	10.352	0%
Thu nhập từ hoạt động khác	53.159	1%	57.172	1%	85.816	1%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1.026	0%	1.236	0%	1.265	0%
Tổng	4.808.480	100%	5.123.149	100%	6.255.593	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận (Hợp nhất)

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi thuần	1.104.675	78%	1.434.862	83%	1.713.866	89%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	60.218	4%	71.002	4%	104.611	5%



Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	36.957	3%	32.940	2%	42.900	2%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	163.883	12%	141.903	8%	(4.780)	0%
Lãi thuần từ hoạt động khác	49.943	4%	52.296	3%	60.641	3%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	175	0%	292	0%	-	0%
Tổng	1.415.851	100%	1.733.295	100%	1.917.238	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận (Riêng lẻ)

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi thuần	1.102.641	78%	1.432.739	83%	1.712.267	89%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	60.218	4%	71.002	4%	104.611	5%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	36.957	3%	32.940	2%	42.900	2%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	163.883	12%	141.903	8%	(4.780)	0%
Lãi thuần từ hoạt động khác	49.409	3%	51.370	3%	59.132	3%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1.026	0%	1.236	0%	1.265	0%
Tổng	1.414.134	100%	1.731.190	100%	1.915.395	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

11.2.3. Huy động vốn

Cơ cấu huy động vốn ngày càng hợp lý hơn, hiệu quả, đa dạng hóa sản phẩm và chi phí linh hoạt, tối ưu. BVB không ngừng tăng cường huy động vốn từ thị trường I (huy động vốn từ các Tổ chức và dân cư), đồng thời huy động vốn từ thị trường II ở mức hợp lý.

Bảng 8: Nguồn vốn huy động 2020, 2021 và 31/12/2022 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Phân theo kỳ hạn						
TT1	46.595.826	100%	55.821.990	100%	59.613.895	100%
- Ngắn hạn	40.485.836	87%	48.463.010	87%	52.739.604	88%
- Trung, dài hạn	6.109.990	13%	7.358.980	13%	6.874.291	12%
TT2	9.346.264	100%	14.740.205	100%	11.218.162	100%
- Ngắn hạn	9.346.264	100%	14.740.205	100%	11.218.162	100%
- Trung, dài hạn	0	0%	0	0%	0	0%

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Phân theo cơ cấu						
- Ngoài nước	0	0%	0	0%	0	0%
- Trong nước	55.942.090	100%	70.562.195	100%	70.832.057	100%
+ Tiền vay NHNN	0	0%	0	0%	0	0%
+ TCTD	9.346.264	17%	14.740.205	21%	11.218.162	16%
+ Khách hàng	46.595.826	83%	55.821.990	79%	59.613.895	84%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 9: Nguồn vốn huy động 2020, 2021 và 31/12/2022 (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Phân theo kỳ hạn						
TT 1	46.729.698	100%	55.956.185	100%	59.748.873	100%
- Ngắn hạn	40.619.708	87%	48.601.305	87%	52.863.662	88%
- Trung, dài hạn	6.109.990	13%	7.354.880	13%	6.885.211	12%
TT2	9.346.264	100%	14.740.205	100%	11.218.162	100%
- Ngắn hạn	9.346.264	100%	14.740.205	100%	11.218.162	100%
- Trung, dài hạn	0	0%	0	0%	0	0%
Phân theo cơ cấu						
- Ngoài nước	0	0%	0	0%	0	0%
- Trong nước	56.075.962	100%	70.696.390	100%	70.967.035	100%
+ Tiền vay NHNN	0	0%	0	0%	0	0%
+ TCTD	9.346.264	17%	14.740.205	21%	11.218.162	16%
+ Khách hàng	46.729.698	83%	55.956.185	79%	59.748.873	84%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng biến động kinh tế thế giới, tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn. Công tác huy động vốn tại các TCTD bị ảnh hưởng nhất định, trước tình hình này, BVB đã đưa ra nhiều chính sách cho phù hợp với từng thời kỳ nhằm khuyến khích tăng trưởng huy động, trong đó tập trung chú trọng tăng trưởng huy động từ các Doanh nghiệp và dân cư, đồng thời theo hướng phân tán khách hàng rộng hơn.

Huy động vốn của BVB chủ yếu là huy động từ TCKT và dân cư, chiếm gần 80% tổng vốn huy động. Đây là nguồn vốn ổn định, tăng trưởng qua các năm, đủ để đáp ứng vốn sử dụng cho tăng trưởng tín dụng và đảm bảo thanh khoản. BVB đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư.

11.2.4. Hoạt động tín dụng

Trong những năm gần đây, thương hiệu và hình ảnh của BVB đang dần được nhiều người biết đến, với việc mở rộng thị phần cho vay thông qua các mạng lưới hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, các điểm giao dịch đặt tại các địa bàn trọng yếu, tận dụng các thế mạnh về lãi suất và thời gian hoàn tất hồ sơ vay cho khách hàng để tăng doanh thu và mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, BVB

cũng thường xuyên rà soát, quan tâm và chăm sóc các khách hàng có uy tín để duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và qua đó đạt được mức tăng trưởng về dư nợ tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn chất lượng của khoản vay. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

a. Theo đối tượng cho vay

Hoạt động tín dụng của BVB hướng tới các đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa và cá nhân.

Bảng 10: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng
Tổng dư nợ tín dụng	40.120.796	16%	46.409.215	16%	50.859.390	10%
Trong đó, dư nợ cho vay	39.832.796	17%	46.389.215	16%	50.859.390	10%
<i>Cá nhân</i>	<i>20.139.406</i>	<i>21%</i>	<i>26.189.034</i>	<i>30%</i>	<i>31.522.021</i>	<i>20%</i>
<i>Tổ chức kinh tế</i>	<i>19.693.390</i>	<i>13%</i>	<i>20.200.181</i>	<i>3%</i>	<i>19.337.369</i>	<i>-4%</i>
<i>Khác</i>	-	-	-	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng
Tổng dư nợ tín dụng	40.120.796	16%	46.409.215	16%	50.859.390	10%
Trong đó, dư nợ cho vay	39.832.796	17%	46.389.215	16%	50.859.390	10%
<i>Cá nhân</i>	<i>20.139.406</i>	<i>21%</i>	<i>26.189.034</i>	<i>30%</i>	<i>31.522.021</i>	<i>20%</i>
<i>Tổ chức kinh tế</i>	<i>19.693.390</i>	<i>13%</i>	<i>20.200.181</i>	<i>3%</i>	<i>19.337.369</i>	<i>-4%</i>
<i>Khác</i>	-	-	-	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

b. Theo ngành nghề

Bảng 12: Dư nợ cho vay theo ngành nghề (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	10.811.900	19%	12.140.648	12%	17.222.732	42%
Xây dựng	7.038.274	21%	6.884.411	-2%	5.308.501	-23%

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BÀN VIỆT

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng
Hoạt động kinh doanh bất động sản	5.659.291	17%	7.267.088	28%	7.313.302	1%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	4.144.348	8%	5.684.012	37%	5.733.383	1%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.895.649	11%	3.232.537	12%	3.658.547	13%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.889.138	-13%	3.566.478	23%	3.600.135	1%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.118.852	95%	2.944.635	39%	3.463.289	18%
Vận tải kho bãi	943.137	8%	999.558	6%	557.635	-44%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	894.645	109%	730.952	-18%	534.524	-27%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	679.877	16%	735.958	8%	768.081	4%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	344.362	5%	384.560	12%	378.423	-2%
Thông tin và truyền thông	327.400	24%	381.290	16%	334.458	-12%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	227.201	-9%	241.144	6%	1.001.464	315%
Giáo dục và đào tạo	205.430	116%	52.861	-74%	52.718	0%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	199.821	241%	220.227	10%	109.057	-50%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	74.865	41%	216.792	190%	78.472	-64%
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	37.226	-41%	24.025	-35%	25.831	8%
Khai khoáng	34.649	-35%	110.191	218%	119.326	8%
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ	8.865	-23%	6.962	-21%	4.569	-34%

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng
chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc						
Hoạt động dịch vụ khác	297.866	15%	564.886	90%	594.943	5%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 13: Dư nợ cho vay theo ngành nghề (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	10.811.900	19%	12.140.648	12%	17.222.732	42%
Xây dựng	7.038.274	21%	6.884.411	-2%	5.308.501	-23%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	5.659.291	17%	7.267.088	28%	7.313.302	1%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	4.144.348	8%	5.684.012	37%	5.733.383	1%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.895.649	11%	3.232.537	12%	3.658.547	13%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.889.138	-13%	3.566.478	23%	3.600.135	1%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.118.852	95%	2.944.635	39%	3.463.289	18%
Vận tải kho bãi	943.137	8%	999.558	6%	557.635	-44%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	894.645	109%	730.952	-18%	534.524	-27%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	679.877	16%	735.958	8%	768.081	4%

Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	344.362	5%	384.560	12%	378.423	-2%
Thông tin và truyền thông	327.400	24%	381.290	16%	334.458	-12%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	227.201	-9%	241.144	6%	1.001.464	315%
Giáo dục và đào tạo	205.430	116%	52.681	-74%	52.718	0%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	199.821	241%	220.227	10%	109.057	-50%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	74.865	41%	216.792	190%	78.472	-64%
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	37.226	-41%	24.025	-35%	25.831	8%
Khai khoáng	34.649	-35%	110.191	218%	119.326	8%
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc	8.865	-23%	6.962	-21%	4.569	-34%
Hoạt động dịch vụ khác	297.886	15%	564.886	90%	594.943	5%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

c. Theo nhóm nợ

Tổng dư nợ tín dụng của BVB đạt mức tăng trưởng qua từng năm, tăng trưởng năm 2019 là 13% và 2020 là 16% và năm 2021 là 16%.

- Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, dư nợ cho vay thị trường 1 của BVB 46.409.215 triệu đồng. Trong đó:
 - ✓ Nợ nhóm 1: 44.650.469 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 96,2 % trên tổng dư nợ.
 - ✓ Nợ nhóm 2: 582.817 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,3 % trên tổng dư nợ.
 - ✓ Nợ nhóm 3: 166.103 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,4 % trên tổng dư nợ.
 - ✓ Nợ nhóm 4: 185.524 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,4 % trên tổng dư nợ.
 - ✓ Nợ nhóm 5: 824.302 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,8 % trên tổng dư nợ.
- Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, dư nợ cho vay thị trường 1 của BVB 50.859.390 triệu đồng. Trong đó:

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

- ✓ Nợ nhóm 1: 48.214.197 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 94,8 % trên tổng dư nợ.
- ✓ Nợ nhóm 2: 1.226.634 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,41 % trên tổng dư nợ.
- ✓ Nợ nhóm 3: 149.080 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,29 % trên tổng dư nợ.
- ✓ Nợ nhóm 4: 407.771 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,8 % trên tổng dư nợ.
- ✓ Nợ nhóm 5: 861.708 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,69 % trên tổng dư nợ.

d. Theo thời hạn cho vay

Bảng 14: Các khoản cho vay ngắn, trung và dài hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Cho vay ngắn hạn	21.898.532	25.828.707	31.326.569
Cho vay trung và dài hạn	17.934.264	20.560.508	19.532.821
Tổng cộng	39.832.796	46.389.215	50.859.390
Dự phòng rủi ro tín dụng ngày cuối kỳ	(571.585)	(700.505)	(741.463)
Danh mục cho vay thuần ngày cuối kỳ	39.261.211	45.688.710	50.117.927

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 15: Các khoản cho vay ngắn, trung và dài hạn (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Cho vay ngắn hạn	21.898.532	25.828.707	31.326.569
Cho vay trung và dài hạn	17.934.264	20.560.508	19.532.821
Tổng cộng	39.832.796	46.389.215	50.859.390
Dự phòng rủi ro tín dụng ngày cuối kỳ	(571.585)	(700.505)	(741.463)
Danh mục cho vay thuần ngày cuối kỳ	39.261.211	45.688.710	50.117.927

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

e. Cho vay theo loại tiền tệ

Bảng 16: Khoản vay bằng VND và ngoại tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Cho vay bằng VND	38.895.268	45.812.710	50.519.764
Cho vay bằng ngoại tệ quy đổi VND	937.528	576.505	339.625
Tổng cộng	39.832.796	46.389.215	50.859.390

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 17: Khoản vay bằng VND và ngoại tệ (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Cho vay bằng VND	38.895.268	45.812.710	50.519.764
Cho vay bằng ngoại tệ quy đổi VND	937.528	576.505	339.625
Tổng cộng	39.832.796	46.389.215	50.859.389

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

f. Tỷ lệ an toàn vốn

Trong giai đoạn vừa qua, BVB tập trung mở rộng mạng lưới hoạt động, triển khai công tác tiếp thị và quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, chú trọng đến chất lượng phục vụ, thời gian xử lý hồ sơ cho vay đảm bảo nhanh chóng nên đã góp phần đẩy nhanh dư nợ cho vay của ngân hàng. Dư nợ cho vay từ 33.995 tỷ đồng vào cuối năm 2019 lên 39.833 tỷ năm 2020. Năm 2021, dư nợ cho vay của BVB tăng 16.5% so với năm 2020. Tính đến 31/12/2022 dư nợ cho vay của BVB là 50.859 tỷ đồng.

Bảng 18: Dư nợ cho vay qua các năm (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng dư nợ cho vay	39.832.796	46.389.215	50.859.390
Tỷ lệ nợ quá hạn	3,7%	3,8%	5,2%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,3%	10,9%	13,2%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn	21,0%	22,1%	16,6%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 19: Dư nợ cho vay qua các năm (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng dư nợ cho vay	39.832.796	46.389.215	50.859.390
Tỷ lệ nợ quá hạn	3,7%	3,8%	5,2%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,18%	10,79%	13,0%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn	21,0%	18,2%	16,5%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

11.2.5. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế

BVB đang triển khai thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế nhưng do nguyên nhân khách quan dẫn đến hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu hoạt động của BVB. Cùng với sự phát triển về quy mô, mạng lưới hoạt động, hạ tầng công nghệ và chất lượng nhân sự...đến nay, BVB đã và đang cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp như thanh toán quốc tế, chuyển đổi ngoại tệ.

Bảng 20: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán năm 2020, 2021 và 31/12/2022 (Hợp nhất)

Đơn vị: USD

Kinh doanh ngoại tệ	Năm 2020	Năm 2021	31/12/2022
Mua	12.813.339.912,9	18.448.930.599,3	21.871.223.427,8
Bán	12.839.739.343,9	18.505.014.842,0	21.778.186.007,1

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 21: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán năm 2020, 2021 và 31/12/2022 (Riêng lẻ)

Đơn vị: USD

Kinh doanh ngoại tệ	Năm 2020	Năm 2021	31/12/2022
---------------------	----------	----------	------------

**BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

Mua	12.813.339.912,9	18.448.930.599,3	21.871.223.427,8
Bán	12.839.739.343,9	18.505.014.842,0	21.778.186.007,1

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Mối quan hệ với khách hàng truyền thống được BVB duy trì và quan tâm phát triển, bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như quảng cáo, băng rôn, tờ rơi, internet... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các điểm giao dịch cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. BVB đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng. Ngoài ra, BVB cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để hỗ trợ, bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

11.2.6. Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện tại, BVB đã thiết lập mối quan hệ thanh toán quốc tế với các Ngân hàng đại lý tại một số quốc gia như: Mỹ, Đức, Anh, Úc, HongKong, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc.... Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển quan hệ quốc tế nói chung và đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng, BVB thường xuyên phân đấu đổi mới, tiếp tục tăng cường quan hệ với các ngân hàng ở trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu hội nhập của Ngân hàng.

11.2.7. Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước

Công tác chuyển tiền trong toàn hệ thống nhanh, chính xác, hoạt động ngân quỹ an toàn, thu đúng, chi đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiền mặt cho khách hàng đã tạo được uy tín và góp phần nâng cao hình ảnh BVB. Cùng với việc nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng chuyên môn, BVB cũng đã mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động, nâng cấp hạ tầng công nghệ. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua BVB, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

11.2.8. Hoạt động đầu tư tài chính

Đề đa dạng cơ cấu tài sản có, đồng thời tăng nguồn thu và tính thanh khoản cho ngân hàng, BVB đã sử dụng một phần vốn tự có tăng lên trong năm tạm thời chưa sử dụng hết để đầu tư trái phiếu Chính Phủ, Trái phiếu của TCTD ...và các loại chứng khoán, giấy tờ có giá khác.

Bảng 22: Các khoản đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Đầu tư tài chính	Năm 2020	Năm 2021	31/12/2022
Trái phiếu chính phủ	3.391.209	7.425.667	9.092.168
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam	688.479	348.798	1.090.445
CCTG – Công Ty Tài Chính Cổ Phần Tín Việt	330.000	548.472	600.000
CCTG – Công ty TC TNHH MTV NH VN Thịnh Vượng	-	300.769	-
Trái phiếu Công ty CP Bất động sản Tiến Phước	248.000	-	-
Trái phiếu Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	100.000	100.000	-
CCTG Công ty Tài chính cổ phần Điện Lực (EVNFC)	-	400.000	500.000
Cổ phiếu Công ty CP Giấy Sài Gòn	7.774	7.774	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Sản Cà Mau (CAT)	3.525	-	-

Đầu tư tài chính	Năm 2020	Năm 2021	31/12/2022
Trái phiếu Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (Becamex)	40.000	20.000	-
Tổng cộng	4.808.987	9.151.480	11.282.613

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 23: Các khoản đầu tư tài chính (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Đầu tư tài chính	Năm 2020	Năm 2021	31/12/2022
Trái phiếu chính phủ	3.391.209	7.425.667	9.092.168
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam	688.479	348.798	1.090.445
CCTG – Công Ty Tài Chính Cổ Phần Tín Việt	330.000	548.472	600.000
CCTG – Công ty TC TNHH MTV NH VN Thịnh Vượng	-	300.769	-
Trái phiếu Công ty CP Bất động sản Tiến Phước	248.000	-	-
Trái phiếu Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	100.000	100.000	-
CCTG Công ty Tài chính cổ phần Điện Lực (EVNFC)	-	400.000	500.000
Cổ phiếu Công ty CP Giấy Sài Gòn	7.774	7.774	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Sản Cà Mau (CAT)	3.525	-	-
Trái phiếu Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (Becamex)	40.000	20.000	-
Tổng cộng	4.808.987	9.151.480	11.282.613

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

11.3. Tài sản

Bảng 24: Giá trị TSCĐ (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản hữu hình	555.734	383.856	628.294	416.756	692.840	440.340
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	199.546	184.800	200.164	181.106	223.599	199.684
2	Máy móc và thiết bị	185.396	101.848	233.554	130.608	251.201	125.561
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	131.273	73.390	146.203	75.332	159.666	79.005
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.551	1.156	3.099	1.370	6.145	3.788
5	Tài sản cố định hữu hình	36.968	22.662	45.274	28.340	52.229	32.302

II	Tài sản vô hình	1.024.242	877.645	977.991	810.068	1.167.127	980.631
1	Quyền sử dụng đất	771.459	748.892	677.129	650.985	845.851	816.130
2	Phần mềm máy tính	252.783	128.753	300.862	159.083	321.276	164.501
Tổng cộng		1.579.976	1.261.501	1.606.285	1.226.824	1.859.967	1.420.971

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 25: Giá trị TSCĐ (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản hữu hình	555.734	383.856	628.294	416.756	692.840	440.340
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	199.546	184.800	200.164	181.106	223.599	199.684
2	Máy móc và thiết bị	185.396	101.848	233.554	130.608	251.201	125.561
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	131.273	73.390	146.203	75.332	159.666	79.005
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.551	1.156	3.099	1.370	6.145	3.788
5	Tài sản cố định hữu hình	36.968	22.662	45.274	28.340	52.229	32.302
II	Tài sản vô hình	1.024.192	877.645	977.941	810.068	1.167.127	980.631
1	Quyền sử dụng đất	771.459	748.892	677.129	650.985	845.851	816.130
2	Phần mềm máy tính	252.733	128.753	300.812	159.083	321.276	164.501
Tổng cộng		1.579.926	1.261.501	1.606.235	1.226.824	1.859.967	1.420.971

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Bảng 26: Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Tạm ứng mua trụ sở chi nhánh tại Thành phố Vũng Tàu	80.000	80.000	80.000
Tạm ứng mua trụ sở chi nhánh tại Đường Lý Thường Kiệt, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	49.500	49.500	49.500

	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Mua sắm phần mềm và tài sản cố định khác	27.386	42.512	93.593
Tạm ứng mua Shophouse dự án Grand Center Quy Nhơn	13.845	25.071	25.071
Tạm ứng mua trụ sở chi nhánh tại Gia Lai	-	-	25.010
Tạm ứng mua trụ sở chi nhánh tại Cần Thơ	-	-	29.450
Tạm ứng mua trụ sở chi nhánh tại Tiền Giang	-	-	36.589
Khác	19.930	25.874	8.792
Tổng cộng	190.661	222.957	348.005

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 27: Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Tạm ứng mua trụ sở chi nhánh tại Thành phố Vũng Tàu	80.000	80.000	80.000
Tạm ứng mua trụ sở chi nhánh tại Đường Lý Thường Kiệt, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	49.500	49.500	49.500
Mua sắm phần mềm và tài sản cố định khác	27.386	42.512	93.593
Tạm ứng mua Shophouse dự án Grand Center Quy Nhơn	13.845	25.071	25.071
Tạm ứng mua trụ sở chi nhánh tại Gia Lai	-	-	25.010
Tạm ứng mua trụ sở chi nhánh tại Cần Thơ	-	-	29.450
Tạm ứng mua trụ sở chi nhánh tại Tiền Giang	-	-	36.589
Khác	19.930	25.874	8.792
Tổng cộng	190.661	222.957	348.005

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Bảng 28: Chi tiết các tài sản lớn thuộc sở hữu của BVB tại 31/12/2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tài sản	Giá trị		Thời gian triển khai và hoàn thành đưa vào sử dụng
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	Quyền sử dụng đất 289 Kinh Dương Vương, TP.HCM	224.958	224.958	24/04/2019
2	QSĐĐ thừa đất số 554, tờ bản đồ số 3, Phường Bình	132.542	132.542	30/12/2022

STT	Tài sản	Giá trị		Thời gian triển khai và hoàn thành đưa vào sử dụng
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	
	An, Q.2 (TP. Thủ Đức), TP.HCM			
3	Quyền sử dụng đất tại Phú Hòa, Bình Dương	97.830	79.362	25/10/2013
4	Quyền sử dụng đất tại Đà Nẵng	92.296	92.296	20/12/2018
5	Quyền sở hữu tầng 1 đến tầng 7 tòa nhà silver Sea Tower, Vũng Tàu	78.247	69.770	16/08/2017
6	Quyền sử dụng đất tại Cà Mau	70.087	70.087	23/02/2017
7	Quyền sử dụng đất tại Tiền Giang	61.521	61.521	30/10/2017
8	Quyền sử dụng đất tại An Giang	50.646	50.646	31/12/2020
9	Nhà gắn với đất tại Phú Hòa, Bình Dương	49.647	43.405	16/05/2017
10	Quyền sử dụng đất tại Sóc Trăng	41.015	35.439	30/10/2017
Tổng cộng		898.789	860.026	

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

11.4. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Hoạt động Quản trị rủi ro và bảo toàn vốn là một trong các vấn đề cốt lõi được BVB đặc biệt quan tâm, mang tính trọng yếu và xuyên suốt trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống quản lý rủi ro được BVB chú trọng xây dựng, phát triển hướng đến các chuẩn mực quốc tế. Nhằm hạn chế tối thiểu các rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT xây dựng hệ thống quản lý, phân định rõ các loại rủi ro nhằm theo dõi, quản lý theo hướng chuyên môn hóa từng loại rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và thanh khoản để nắm bắt kịp thời những rủi ro có khả năng phát sinh, có biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các dữ liệu báo cáo quá khứ từ những năm trước, Ban Điều hành Ngân hàng cùng các Phòng ban liên quan đã chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế những rủi ro phát sinh.

Một số các giải pháp áp dụng để tăng cường phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro của BVB đã triển khai như sau:

- Cơ cấu lại mô hình tổ chức theo hướng hiện đại để bảo đảm kiểm soát và quản lý rủi ro; Thành lập các Phòng Quản lý Rủi ro chuyên biệt bao gồm Phòng Quản lý rủi ro Tín dụng, Phòng Quản lý rủi ro Vận hành & Thị trường, chọn lựa cán bộ có đủ năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, có cơ chế phân quyền, quy định trách nhiệm đối với cán bộ phụ trách và tác nghiệp, phù hợp với năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ đã được đào tạo thử thách và cơ sở vật chất hiện có, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn một cách tương xứng cho đội ngũ cán bộ

- Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Phân tích các rủi ro có thể xảy ra trong từng quy trình nghiệp vụ để triển khai ngay các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong bất kỳ hoàn cảnh và môi trường công tác nào cũng không buông lỏng công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ mới trong công tác này để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, rủi ro;
- Đầu tư thích đáng về đào tạo nghiệp vụ kinh doanh phù hợp với chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế; trang thiết bị tin học viễn thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật và có tính mở; chỉ ra các lĩnh vực kinh doanh mới (tiền tệ tín dụng, ngoại hối, thanh toán chuyển tiền...) khi có khả năng phân tích và kiểm soát được rủi ro; Ngân hàng có chính sách, cơ chế, quy trình tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ phù hợp với từng chức năng công việc. Việc không ngừng bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng phải được quán triệt và quan tâm thỏa đáng ở mọi cấp quản lý;
- Triển khai, áp dụng các chuẩn mực và công cụ mới trong quản lý rủi ro
- Thực hiện việc phân loại nợ thông qua hệ thống tự động hóa, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro theo đúng quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước; nâng cấp hệ thống, đảm bảo việc thực hiện được chính xác và kịp thời, cải tiến hệ thống thông tin báo cáo và quản trị rủi ro;
- Ban điều hành BVB luôn khuyến khích cán bộ ngân hàng chủ động báo cáo các tình huống phát sinh rủi ro hoặc tiềm ẩn rủi ro của Ngân hàng; sẵn sàng đối phó với những vấn đề này sinh; kiểm soát những thua lỗ; cố gắng cùng cố hệ thống khi có rủi ro xảy ra. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa Ban điều hành và lãnh đạo các đơn vị để rà soát công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng.

Từ năm 2018 đến nay, BVB không ngừng đẩy mạnh triển khai quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II, Basel II nâng cao nhằm tăng cường năng lực quản trị rủi ro:

- Nâng cao quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc tập trung hóa công tác thẩm định tín dụng, quản lý tín dụng nhằm gia tăng kiểm soát chặt chẽ ở khâu giải ngân vốn tín dụng, thẩm định giá tài sản để tăng cường quản lý chất lượng tài sản bảo đảm, triển khai nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng theo đối tượng khách hàng mục tiêu, áp dụng các công cụ xếp hạng tín dụng hiện đại (được xây dựng trên nền tảng dữ liệu lớn) vào hoạt động cấp tín dụng;
- Xây dựng danh mục ngành nghề định hướng hoạt động tín dụng trong năm, quản lý rủi ro theo cây sản phẩm để nâng cao chất lượng tín dụng.
- Thiết lập cơ chế giám sát nợ từ xa thông qua hệ thống cảnh báo sớm nhằm theo dõi đảm bảo việc quản lý nợ được tốt hơn, hạn chế phát sinh nợ xấu;
- Xác lập các hạn mức rủi ro cho các sản phẩm tín dụng (tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ nợ xấu,...), xây dựng các hạn mức phân quyền phê duyệt cho hoạt động kinh doanh;
- Triển khai mô hình giám sát, xử lý nợ bán lẻ để đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh;
- Đối với hoạt động rủi ro vận hành, thị trường và thanh khoản, được chú trọng nhiều hơn thông qua thiết lập cơ chế cảnh báo rủi ro thị trường, xây dựng các kịch bản tình huống để kiểm tra

sức chịu đựng về thanh khoản, xây dựng hệ thống & quy trình tự đánh giá rủi ro chốt kiểm soát (RCSA).

Vốn của BVB được phân bổ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh, luôn đáp ứng tỷ lệ vốn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, để tối ưu hệ số an toàn vốn hơn nữa, BVB cũng đang thực hiện:

- Cấu trúc lại danh mục tài sản tối ưu nhằm định hướng kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- Xây dựng các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro đối tượng khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng;

Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ, bù đắp rủi ro mà vẫn cạnh tranh được với thị trường

11.5. Thị trường hoạt động

11.5.1. Mạng lưới chi nhánh, Phòng giao dịch và Văn phòng đại diện

- Mạng lưới hoạt động của BVB hiện nay bao gồm: 01 Hội sở, 38 chi nhánh, 77 phòng giao dịch tại các tỉnh thành phố trong cả nước. BVB đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm các điểm giao dịch mới để mở rộng mạng lưới phục vụ.
- Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, BVB luôn đề ra mục tiêu và chiến lược phân đầu nhằm duy trì và phát triển thị phần khách hàng. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động của BVB nhằm tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm của ngân hàng đến đủ các đối tượng khách hàng trên địa bàn và khắp nơi trên cả nước.

11.5.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

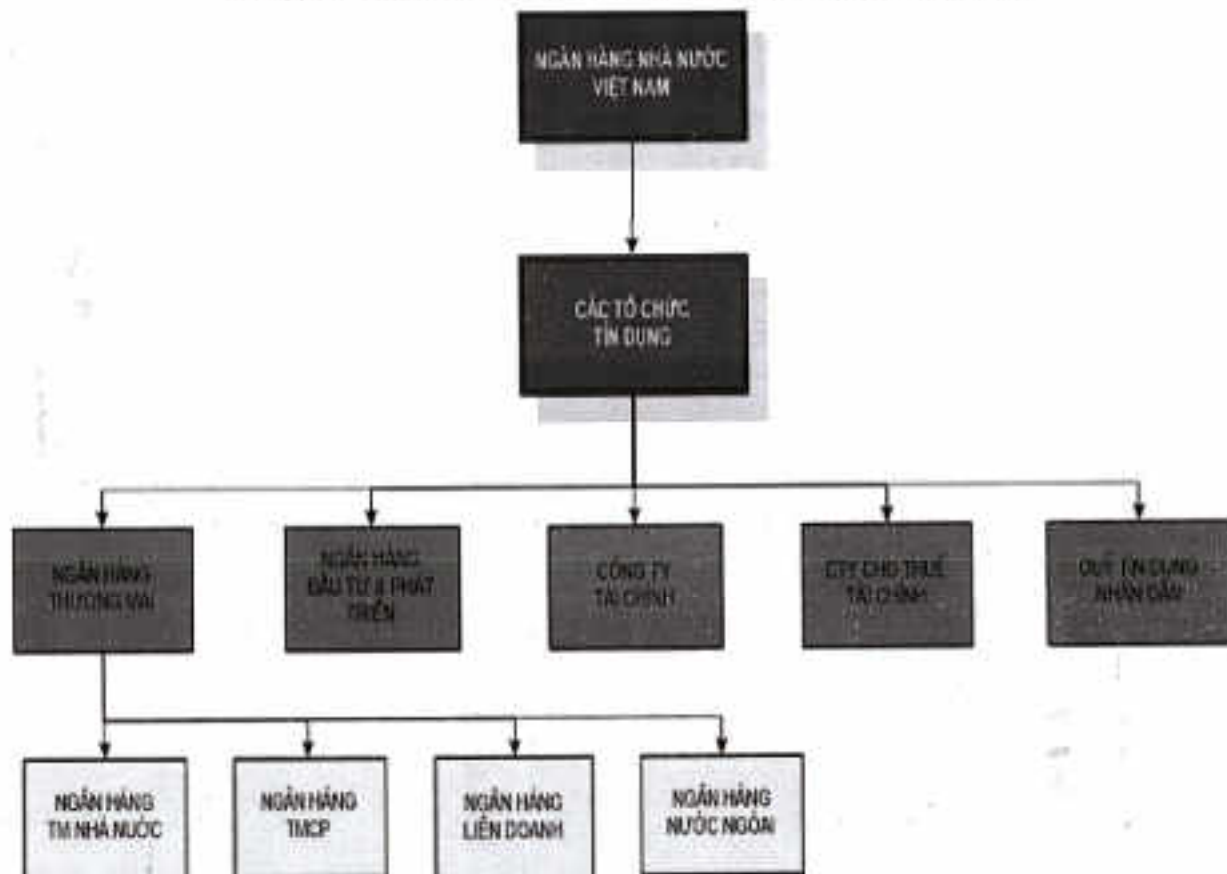
- Địa bàn hoạt động của BVB trong các năm vừa qua đã được mở rộng không chỉ gói gọn trong các tỉnh và thành phố lớn về tài chính, nhờ đó mạng lưới khách hàng (cá nhân và doanh nghiệp) cũng được đẩy mạnh tăng trưởng đáng kể trên khắp cả nước. Đối tượng khách hàng chính của BVB là các khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức tín dụng.
- Sau gần 30 năm hoạt động, BVB đã từng bước tích lũy lợi nhuận, nâng dần chất lượng của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tìm kiếm và phát triển số lượng khách hàng của Ngân hàng. Từ đối tượng khách hàng chính của Ngân hàng là các cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, BVB còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong các khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.
- BVB kế hoạch triển khai thêm nhiều loại hình sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến các sản phẩm dịch vụ hiện có, đem đến nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, có chính sách ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, khách hàng truyền thống, khách hàng có số dư tiền gửi lớn, mở rộng mạng lưới hoạt động trên khắp cả nước...nhằm định hướng phát triển BVB trở thành một thương hiệu mạnh trong chất lượng dịch vụ khách hàng.

- BVB đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cho các sản phẩm mới, số hóa hầu hết các giao dịch với khách hàng. Ngân hàng số giúp BVB cũng như khách hàng tiết giảm được rất nhiều chi phí (nhân sự, vận hành...), đồng thời tăng sự trải nghiệm và cải thiện chất lượng dịch vụ đến từng khách hàng.

11.5.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

- Hệ thống Ngân hàng Việt Nam
 - ✓ Tính đến cuối năm 2017, hệ thống ngân hàng Việt Nam có nhóm chính bao gồm 5 ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTMNN), không kể Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam; 37 ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP); 48 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 5 ngân hàng liên doanh; 5 ngân hàng có 100% vốn nước ngoài; 17 công ty tài chính; 13 công ty cho thuê tài chính; 48 Văn phòng đại diện Ngân hàng nước ngoài tại Việt nam và 915 quỹ tín dụng tại tất cả các tỉnh thành trên cả nước.

Bảng 29: Sơ đồ tổ chức của Hệ thống Ngân hàng Việt Nam



- ✓ Sau một thời gian chính thức trở thành thành viên WTO hệ thống Ngân hàng cũng ngày càng phát triển cả về quy mô, chất lượng hoạt động, làm tăng độ sâu tài chính, sức cạnh tranh trong hệ thống Ngân hàng và thị trường tài chính ngày càng đa dạng. Nhịp độ tăng

trường kinh tế cao cộng với làn sóng đầu tư nước ngoài lớn tạo ra cơ hội phát triển của ngành Ngân hàng.

- ✓ Hệ thống Ngân hàng Việt Nam đã có nhiều đột phá về phát triển dịch vụ: Ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng đầu tư, dịch vụ thanh toán, Ngân hàng nhà, quản lý tài sản,... đã khởi đầu một giai đoạn thay đổi về chất của hoạt động Ngân hàng. Các ngân hàng đã áp dụng công nghệ vào các sản phẩm, dịch vụ một cách hiệu quả. Mạng dịch vụ của NHTM Việt Nam từng bước tiếp cận với tiêu chuẩn của dịch vụ NH quốc tế. Sức cạnh tranh của Ngân hàng được quyết định ở số lượng và chất lượng dịch vụ và vì thế có lẽ đây là bước tiến nổi bật nhất của ngành Ngân hàng.
- ✓ Tuy nhiên hoạt động Ngân hàng còn một số hạn chế. Trước hết là khung pháp lý vẫn trong tình trạng khó lường trước. Điều này khiến việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro rất khó khăn. Hạn chế này cộng với công nghệ lạc hậu nhân lực còn giới hạn là những thách thức chủ yếu của ngành Ngân hàng Việt Nam trong trung hạn.

• Ngân hàng TMCP Bản Việt

- ✓ BVB vẫn đang trong tiến trình củng cố tổ chức hoạt động với nhiều cơ hội và thách thức từ thị trường và các quy định từ NHNN (về phân loại nợ, trích lập dự phòng...) nhưng với định hướng bám sát chiến lược phát triển, mở rộng và đa dạng hóa cơ sở khách hàng, giảm lệ thuộc vào khách hàng lớn, chuyển dịch hệ khách hàng theo hướng tập trung vào các khách hàng nhỏ lẻ, có margin cao hơn và nỗ lực kiểm soát chi phí. Tính đến 31/12/2022, BVB đã đạt một số thành tích sau:
- ✓ Tổng tài sản: tăng trưởng tốt cả về quy mô và chất lượng, cuối năm 2020 tăng 18% so với năm 2019. Đến năm 2021 đạt 76.511 tỷ, tăng 25% so với 2020. Tại 31/12/2022, đạt 79.067 tỷ.
- ✓ Hoạt động huy động vốn: BVB luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nguồn vốn ổn định, từng bước cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng huy động trung dài hạn nhằm bảo đảm tính ổn định, an toàn thanh khoản, phù hợp với danh mục cho vay. Tính đến 31/12/2020, tổng nguồn vốn huy động đạt 55.942 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2019; trong đó, huy động TT1 đạt mức tăng trưởng 24%. Đến 31/12/2021, tổng huy động vốn đã tăng 26% so với năm 2020, đạt mức 70.562 tỷ đồng. Tại 31/12/2022, tổng huy động đạt 72.671 tỷ.
- ✓ Hoạt động tín dụng: tập trung vào các ngành trọng yếu mà nhà nước khuyến khích, hướng đến các khách hàng tiềm năng như SME, tăng trưởng tín dụng trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro, tăng dần tỷ trọng tín dụng bán lẻ. Đến 31/12/2021, dư nợ cho vay TT1 đã đạt 46.389 tỷ, tăng 16% so với năm 2020. Tại 31/12/2022, dư nợ cho vay TT1 đạt 50.859 tỷ.
- ✓ BVB trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định. Trong năm 2021, BVB đã chủ động trong việc trích lập 100% nhóm khách hàng cơ cấu theo TT03 và trích bổ sung 100 tỷ dự phòng TP VAMC. Trong năm 2022, chi phí dự phòng trích lập thấp hơn dự kiến nhờ kết hợp hiệu quả công tác kiểm soát chặt chẽ đi kèm tăng cường xử lý nợ xấu. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu tại 31/12/2022 được kiểm soát ở mức 2,8%, dưới mức quy định NHNN.

- ✓ Lợi nhuận trước thuế năm 2022: 456 tỷ (số hợp nhất), tăng 46% so với năm trước. Tổng thu nhập thuần đạt 1.917 tỷ, trong đó mảng KHCN chiếm tỷ trọng hơn 50%, đạt hơn 1.100 tỷ.
- ✓ Trong các giai đoạn hoạt động, BVB luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN, các chỉ số an toàn hoạt động của BVB luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn xoay quanh mức 9% - 11%, cao hơn so với mức yêu cầu tối thiểu 8%.
- ✓ Trong giai đoạn sắp tới, BVB tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng trưởng bền vững, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kiện toàn bộ máy hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, gia tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng, mở rộng thêm mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần của Ngân hàng.

11.5.4. Vị thế của Ngân hàng so với các đơn vị khác trong cùng ngành

Trải qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành và phát triển, BVB đến nay cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận... bên cạnh đó BVB cũng có một số lợi thế nhất định so với các Ngân hàng khác trong cùng địa bàn.

- Về cơ cấu cổ đông: có cổ đông là các cổ đông pháp nhân và thể nhân, trong đó các cổ đông pháp nhân là các tổ chức tín dụng khác cũng nắm giữ vốn điều lệ của BVB từ cách đây nhiều năm. Trong giai đoạn khó khăn, BVB đã nhận được nhiều sự hỗ trợ tích cực từ các cổ đông pháp nhân này, cũng chính vì thế mà BVB đã vượt qua khó khăn, củng cố và phát triển đạt được những kết quả nhất định như hiện nay.
- Nguồn nhân lực: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành của BVB là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bên cạnh đó, đội ngũ CB-CNV của BVB trẻ, năng nổ, nhiệt tình, tận tâm, ham học hỏi, hầu hết được đào tạo chính quy về các chuyên môn và nghiệp vụ.
- Hệ thống công nghệ thông tin: bắt đầu thực hiện từ năm 2015 và 2016, BVB tiếp tục đầu tư triển khai hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong thời gian tới, BVB tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới.
- Hệ thống kiểm tra nội bộ: BVB đã xây dựng được bộ phận kiểm tra nội bộ chuyên trách của Ngân hàng. Hệ thống kiểm tra nội bộ gồm các cán bộ có thâm niên trong ngành, kiểm tra việc thực hiện quy trình của Ngân hàng một cách độc lập, khách quan nhằm hạn chế những rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- Nguồn khách hàng: với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong thời gian nhanh nhất, BVB đã hấp dẫn được một lượng lớn các khách hàng cá nhân và tiểu thương đến với Ngân hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của BVB cao, nhờ vậy đảm bảo được mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của BVB đối với các ngân hàng khác.
- Một số giải thưởng Ngân hàng được vinh danh:

- ✓ Trong khuôn khổ giải thưởng “Brand Việt Nam Awards 2021” do Công ty Mibrand tổ chức:
 - Top 20 Thương hiệu Ngân hàng Việt Nam 2021.
 - Top 5 Thương hiệu Ngân hàng có tiềm năng phát triển tốt nhất.
- ✓ Giải thưởng “Ứng dụng ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2021” do tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn.
- Một số dự án tiêu biểu:
 - ✓ Ngân hàng Bản Việt là một trong những ngân hàng đầu tiên hoàn thành sớm cả 3 trụ cột của Basel II.
 - ✓ Triển khai thành công dự án “Mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều”.
 - ✓ Dự án “xây dựng hệ thống báo cáo quản trị-Mis” phục vụ quản lý kinh doanh và tài chính.
 - ✓ Dự án “Lợi nhuận điều chỉnh rủi ro trên vốn RAROC”
 - ✓ Ngân hàng bản việt tiên phong áp dụng eKYC toàn diện (trên ứng dụng di động và tại quầy)
 - ✓ Dự án Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9.
 - ✓ Dự án xây dựng hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM

11.5.5. Triển vọng ngành ngân hàng trong giai đoạn 2020 – 2025

- Mức độ cạnh tranh trong ngành tăng lên do nhiều ngân hàng có sự thay đổi về chiến lược cạnh tranh và phát triển, tăng nguồn lực đầu tư và hoạt động minh bạch đã mang lại mức lợi nhuận cao cho các ngân hàng Việt Nam. Mức độ cạnh tranh dự báo tăng cao và tập trung nhiều vào thu hút khách hàng cải thiện chi phí vốn trong khi NIM vẫn duy trì cao nhờ chính sách tăng trưởng tín dụng.
- Chuyển đổi số, ngân hàng số, hệ sinh thái là những mục tiêu đang được nhiều ngân hàng theo đuổi nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Covid-19 khiến nợ xấu toàn ngành tăng lên và có sự phân hóa mạnh giữa các ngân hàng. Tăng trưởng tín dụng ước tính đạt mức 15,1% trong năm 2022, cao hơn so với mức 13,6% đã đạt được trong năm 2021.
- Cùng với triển vọng về sự phục hồi của nền kinh tế, lãi suất huy động được dự báo sẽ tăng nhẹ, tuy nhiên NIM được kỳ vọng sẽ không chịu áp lực giảm do mức tăng trong lợi suất tài sản sinh lãi có thể bắt kịp đà tăng của lãi suất huy động cùng với sự nới lỏng của các gói lãi suất cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh
- Chi phí dự phòng năm 2022 kỳ vọng sẽ giảm so với cùng kỳ nhờ trích lập dự phòng mạnh từ năm 2021, thúc đẩy lợi nhuận của các ngân hàng

11.6. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

11.6.1. Màng khách hàng cá nhân

Thẻ tín dụng: Trung tâm thẻ đang thực hiện dự án triển khai hệ thống thẻ với các sản phẩm thẻ thanh toán mới, phát triển thêm kết nối với các tổ chức thẻ quốc tế MasterCard và JCB, mở rộng hợp tác với các công ty cung cấp dịch vụ để tăng cường các tiện ích sử dụng kết hợp với thẻ nhằm mang lại cho khách hàng trải nghiệm khác biệt về sản phẩm thẻ.

Sản phẩm, dịch vụ khác dành cho Khách hàng cá nhân:

Mục tiêu chính trong năm 2022 của Khối KHCN là tăng trưởng Huy động và Tín dụng theo chiến lược bán lẻ hướng vào đối tượng khách hàng chính là nhóm Hộ Kinh Doanh, nhóm cho vay tín chấp và nhóm khách hàng mua nhà ở. Để làm được điều trên, Khối KHCN đã và đang tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ kết hợp với các công cụ, phương thức bán hàng chuyên nghiệp, điển hình như sau:

- Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng hướng vào đối tượng khách hàng tiền gửi không và có kỳ hạn; khách hàng vay nhỏ lẻ, tiêu dùng, hộ kinh doanh và tín chấp đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Về sản phẩm: phát triển theo hướng đa dạng hoá, đáp ứng linh hoạt nhu cầu, dịch vụ theo từng phân nhóm khách hàng và đặc thù địa phương.
- Về kênh phân phối: đơn giản hoá quá trình tiếp cận và sử dụng sản phẩm, đẩy mạnh các kênh phân phối trực tuyến nhằm nâng cao sự tiện lợi và tiện ích cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm dịch vụ.

11.6.2. Mạng khách hàng doanh nghiệp

- Khối KHDN thực hiện chiến lược phát triển khách hàng tập trung phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Phân khúc này phù hợp với năng lực phục vụ của BVB đồng thời cũng là phân khúc mang lại sự phát triển bền vững cho Ngân hàng.
- Chủ động nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm chương trình cho vay với lãi suất hợp lý kết hợp với việc đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng.
- Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng đặc biệt chú trọng vào phân khúc khách hàng SME.
- Về sản phẩm: thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm theo hướng đáp ứng linh hoạt nhu cầu về vốn sản xuất kinh doanh của khách hàng SME, đồng thời đa dạng hoá về dịch vụ đặc biệt là dịch vụ thanh toán và bảo lãnh nhằm cung cấp trọn gói sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phối hợp các đơn vị kinh doanh triển khai xây dựng các sản phẩm đặc thù riêng, phù hợp cho từng địa phương.
- Về kênh phân phối: tinh giản hoá thủ tục, hồ sơ khách hàng giao dịch bên cạnh phát triển ngân hàng số (Internet Banking, Mobile Banking...) và hỗ trợ ứng dụng Công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm và sự hài lòng cho khách hàng.
 - ✓ Dự án Mobile Banking, Internet Banking KHDN;
 - ✓ Dự án Website SME;
 - ✓ Dự án LOS (Khởi tạo và phê duyệt Online dành cho KHDN);

- ✓ Dự án CRM (Quản lý khách hàng).

11.7. Chiến lược kinh doanh

- Tăng tốc độ dịch chuyển sang tỷ trọng kinh doanh bán lẻ hơn nữa để tăng hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro trong thời kỳ mới; trong đó tập trung đa dạng hóa sản phẩm và cải thiện cơ chế vận hành tín dụng để nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Kiểm soát nợ xấu, giảm tối đa nợ xấu phát sinh và đẩy nhanh tốc độ xử lý nợ; tăng cường các biện pháp cải thiện chất lượng tín dụng, cải tiến quy trình và chất lượng thẩm định tín dụng kết hợp đẩy mạnh công tác kiểm tra và giám sát khoản vay để giảm thiểu rủi ro tín dụng.
- Nâng cao quản lý hiệu quả tài chính: có chính sách lãi suất một cách hiệu quả phù hợp với thị trường, hoàn thiện cơ cấu bộ máy tổ chức, phê duyệt và quản lý chi phí, chính sách lương thưởng, xử lý kỷ luật nội bộ, áp dụng công nghệ vào quy trình quản lý vận hành để nâng cao năng suất lao động và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.
- Đẩy nhanh tốc độ phát triển ngân hàng số và từng bước nâng tỷ trọng doanh số từ kênh ngân hàng số: Tiếp tục rà soát nâng cấp và phát triển hệ thống công nghệ mới với công năng và tiện ích cao hơn, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số hóa phù hợp với mục tiêu chiến lược 03 năm (giai đoạn 2021-2023) của NHNN; từng bước xây dựng và triển khai các phương pháp nhận diện và phòng chống rủi ro trong lĩnh vực ngân hàng số. Mục tiêu “Ngân hàng số” của Bản Việt sẽ là kênh trọng yếu dẫn dắt thay thế kênh truyền thống đối với các dịch vụ tài chính nhỏ lẻ.
- Tiếp tục thực hiện mở rộng mạng lưới và phát triển thương hiệu, trình NHNN xem xét thành lập mở mới 15 điểm giao dịch.

12. Chính sách đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số CBNV của Ngân hàng là 1.840 người và đến 31/12/2021 là 2077 người, tại ngày 31/12/2022 là 2.481 người. Cơ cấu lao động của Ngân hàng phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 30: Số lượng lao động tính đến thời điểm cuối năm 2020, 2021 và 31/12/2022

Phân loại	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Phân theo giới tính			
- Nam	934	1.087	1.264
- Nữ	906	990	1.217
Phân theo trình độ chuyên môn			
- Trên đại học	74	84	111
- Đại học	1.410	1.613	1.962
- Cao đẳng, Trung cấp	207	230	265
- Sơ cấp và khác	149	150	143

Phân loại	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động			
- Không xác định thời hạn	823	945	1.026
- Có xác định thời hạn (1 – 3 năm)	925	1.044	1.330
- Dưới 1 năm	7	12	9
- Khác (Hợp đồng học việc, Thử việc)	85	76	116

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

12.1. Chính sách đào tạo

- Với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua hoạt động tư vấn, giáo dục & đào tạo, góp phần phát triển tổ chức, hoàn thiện công tác quản trị, kinh doanh, và văn hóa ngân hàng. Ngân hàng xác định rõ chiến lược hoạt động dựa trên năm trụ cột: ngân sách, quy trình, con người, công nghệ, và văn hóa giáo dục.
- Hàng năm, dựa trên nhu cầu và kế hoạch đào tạo, ngân hàng phân bổ ngân sách đào tạo tương ứng để hoạt động đào tạo được chủ động trong chi tiêu và kiểm soát chi phí hiệu quả.
- Định kỳ rà soát và xây dựng các văn bản lập quy liên quan, bao gồm quy định, quy trình, hướng dẫn và sổ tay phục vụ, xác định đầy đủ cơ chế và thủ tục cho hoạt động đào tạo của hệ thống.
- Hàng năm, Ngân hàng cũng đã tiến hành bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nội bộ. Đến nay, đội ngũ giảng viên phần lớn đã qua chương trình huấn luyện kỹ năng sư phạm, thiết kế tài liệu, dẫn giảng, đóng vai trò nòng cốt trong việc giảng dạy chuyên môn nghiệp vụ.
- Năm 2021, đã hoàn thiện hệ thống tự học trực tuyến eLearning và hệ thống quản trị đào tạo (LMS) nhằm cải thiện để đáp ứng tốt nhất nhu cầu học của Cán bộ Nhân viên, cũng như nâng cao năng suất, tiết kiệm nguồn lực triển khai vận hành các chương trình đào tạo
- Cũng trong năm 2021, Ngân hàng đã tổ chức 91 khóa đào tạo cho gần 13.497 lượt học viên. Trong đó các khóa học tập trung củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ, các khóa tập huấn về các nghiệp vụ liên quan đến thẻ, hoạt động bán lẻ, cùng các nghiệp vụ bảo lãnh, thanh toán, kỹ năng thúc đẩy bán và đặc biệt tập trung đào tạo cho nhóm cán bộ nhân viên tân tuyển nắm được quy trình, quy định, hệ thống để phục vụ tốt cho công việc
- Hàng năm Ngân hàng liên tục rà soát nâng cấp giáo trình đào tạo nhằm nâng chất lượng nội dung đào tạo và tăng trải nghiệm người dùng trong quá trình tự học trên hệ thống eLearning
- Ngoài ra, Ngân hàng đã hoàn thiện khung chương trình hội nhập và khung chương trình nền tảng cho các chức danh tân tuyển tại đơn vị kinh doanh và đã đi vào vận hành ổn định. Năm 2022, Ngân hàng tiếp tục tập trung xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ tại đơn vị kinh doanh thuộc các Khối Khách hàng cá nhân, Khách hàng doanh nghiệp và Dịch vụ khách hàng và các chương trình đào tạo nâng cấp năng lực cho đội ngũ quản lý cấp trung.

- Đặc biệt năm 2022, Ngân hàng bắt đầu triển khai dự án “Năng Lực Lõi” tập trung vào phát triển con người, nâng cấp liên tục năng lực toàn bộ Người Bản Việt, nhằm xây dựng một Bản Việt hạnh phúc, sáng tạo và phát triển.

12.2. Chính sách Lương - Thưởng

Ngân hàng áp dụng các chính sách tiền lương, thưởng, đãi ngộ, các chính sách quy hoạch phát triển nghề nghiệp làm đòn bẩy thu hút, giữ chân nhân tài, khuyến khích nhân viên nâng cao năng suất lao động. Cụ thể:

- Chi trả thu nhập theo nguyên tắc đảm bảo sự khách quan, công bằng, tương xứng với phạm vi trách nhiệm, năng lực và kết quả thực hiện công việc của CBNV.
- Các chính sách chi thưởng kinh doanh, thưởng năng suất lao động được Ngân hàng chi trả định kỳ hàng tháng/quý cho CBNV theo kết quả hoàn thành công việc, hiệu quả kinh doanh của từng CBNV. Bên cạnh đó, các chính sách khen thưởng theo các hình thức thi đua thường xuyên, chuyên đề, đột xuất đối với những cá nhân tập thể đạt thành tích cao, có sáng kiến mang lại hiệu quả cho Ngân hàng được Ngân hàng áp dụng đúng người, đúng việc, chú trọng tính kịp thời trong công tác khen thưởng.
- Việc rà soát năng lực làm việc để điều chỉnh thu nhập cho CBNV được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đáp ứng mục tiêu tạo động lực cho CBNV làm việc.

Bảng 31: Thu nhập bình quân của CBNV qua các năm 2020, 2021, 2022

Thu nhập của CBNV	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng thu nhập (nghìn đồng)	381.801.000	501.226.000	575.975.000
Thu nhập bình quân (nghìn đồng/ người/ tháng)	18.100	20.980	20.640

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

12.3. Chính sách đãi ngộ

- Bên cạnh công tác chăm sóc sức khỏe cho CBNV như tổ chức khám sức khỏe định kỳ thường niên theo từng đối tượng đúng quy định của Pháp luật và nghiêm túc thực hiện việc trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo luật định, Ngân hàng đồng thời áp dụng chính sách mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBNV và người thân nhằm nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe cho CBNV, đồng thời chia sẻ, giảm thiểu những thiệt hại trong trường hợp có rủi ro xảy ra đối với CBNV và gia đình.
- Ngân hàng ngày càng nâng cao chế độ phúc lợi đối với NLD như áp dụng các chính sách tăng ngày nghỉ phép thường niên theo cấp bậc và hiệu quả công việc, tăng mức hỗ trợ nhân dịp sinh nhật,...
- Trong giai đoạn dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sức khỏe của CBNV: Bên cạnh việc phải duy trì hoạt động kinh doanh liên tục, Ngân hàng triển khai đồng thời các gói chính sách hỗ trợ, chăm lo đời sống, sức khỏe cho CBNV một cách kịp thời, linh hoạt như: hỗ trợ túi thực phẩm cho cho CBNV tại đơn vị kinh doanh triển khai phương án làm việc “3 tại chỗ” nhằm giúp CBNV yên tâm công tác trong thời gian giãn cách xã hội; hỗ trợ túi thuốc, thực phẩm cho CBNV bị F0 nhằm giúp CBNV an tâm chữa bệnh trong thời gian nhiễm bệnh; hỗ trợ một khoản tiền đối với CBNV không may tử vong do mắc Covid-19 nhằm hỗ trợ và chia sẻ một phần mất mát với gia đình CBNV.

12.4. Chính sách trợ cấp

- Ngân hàng thực hiện chính sách đối với CBNV theo đúng quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể CBNV đáp ứng điều kiện xác lập quan hệ lao động với Ngân hàng. CBNV của Ngân hàng được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước.
- Về chính sách hỗ trợ công việc và chế độ phúc lợi cho CBNV: bao gồm các khoản chi đồng phục, hỗ trợ thuê xe, công tác phí, thai sản, ốm đau, hiếu hi, du lịch nghỉ mát, hội thao... được Ngân hàng áp dụng phù hợp với hiệu quả kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi tối đa cho CBNV.

12.5. Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể, thông qua hoạt động của Công đoàn, Ngân hàng cũng luôn quan tâm đến khuyến khích CBNV tự rèn luyện chuyên môn cũng như chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của CBNV, cụ thể:

- Vận động thanh niên tự rèn luyện, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số để đáp ứng đòi hỏi ngày một chuyên môn hóa và yêu cầu cao hơn trong công việc.
- Tổ chức các cuộc thi nâng cao kỹ năng bán hàng, kỹ năng chăm sóc khách hàng, các chương trình thúc đẩy thi đua bán hàng... để đẩy mạnh phong trào nâng cao năng suất lao động, lao động sáng tạo trong CBNV.

13. Chính sách cổ tức

- Ngân hàng sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.
- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 32: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm

Đơn vị: %

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ lệ cổ tức (%)	0	0	0
Phương thức thanh toán	-	-	-

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

- Trong các năm gần đây, nhằm mục đích tăng cường nguồn vốn, nâng cao hiệu quả đầu tư, HĐQT đã đề xuất giữ lại lợi nhuận hàng năm và không thực hiện chia cổ tức. Quyết định này được ĐHĐCĐ thường niên hàng năm thông qua.

14. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

14.1. Về đợt chào bán trái phiếu gần nhất

- Trái phiếu đăng ký chào bán ra công chúng được UBCKNN chấp thuận theo giấy chứng nhận đăng ký số 282/GCN-UBCK ngày 10/12/2021 chia thành 5 đợt cụ thể như sau:

Đợt chào bán	Số lượng trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất dự kiến
Đợt 1	15.000.000	1.500.000.000.000 đồng	8,5%
Đợt 2	3.000.000	300.000.000.000 đồng	8,6%
Đợt 3	3.000.000	300.000.000.000 đồng	Tối đa 9%
Đợt 4	2.000.000	200.000.000.000 đồng	Tối đa 9%
Đợt 5	2.000.000	200.000.000.000 đồng	Tối đa 9%

- Tính đến thời điểm hiện tại Ngân hàng đã thực hiện 2 đợt chào bán trái phiếu ra công chúng theo giấy phép chào bán nêu trên

• Đợt 1:

- Kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 1:

Tổng số trái phiếu đã phân phối: 8.191.300 trái phiếu, tương đương 54,61% tổng số trái phiếu chào bán

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 819.130.000.000 đồng

- Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng năm 2021 – 2022 (Đợt 1) của BVB từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 09 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00235-22-2 ngày 05/12/2022 như sau:

	Số tiền (VND)
Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 1	819.130.000.000
Số tiền sử dụng cho vay trung - dài hạn cho khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức	801.918.524.562
Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2022	17.211.475.438

- Ý kiến của kiểm toán viên (theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00235-22-2 do Công ty TNHH KPMG lập ngày 05/12/2022):

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tiến độ sử dụng vốn từ ngày 10 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 cho nguồn vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng từ ngày 10 tháng 12 năm 2021 đến ngày 30 tháng 12 năm 2021 (Đợt 1) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tiến độ sử dụng vốn.

• Đợt 2:

- Kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2:

Tổng số trái phiếu đã phân phối: 9.677.400 trái phiếu, tương đương 98,66% tổng số trái phiếu chào bán

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 967.740.000.000 đồng

- Tình hình sử dụng vốn từ đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng năm 2021 – 2022 (Đợt 2) của BVB từ ngày 9 tháng 9 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00235-22-02 ngày 10/11/2022 như sau:

	Số tiền (VND)
Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 2	967.740.000.000
Số tiền sử dụng cho vay trung - dài hạn cho khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức	-
Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2022	967.740.000.000

- Ý kiến của kiểm toán viên (theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00235-22-03 do Công ty TNHH KPMG lập ngày 10/11/2022):

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tiến độ sử dụng vốn từ ngày 9 tháng 9 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 cho nguồn vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đến ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tiến độ sử dụng vốn.

- Theo tính toán của Ngân hàng, số dư còn lại tại ngày 30/11/2022 là giống với số dư như đã được kiểm toán tại ngày 30/09/2022. Tổng số dư còn lại tại ngày 30/09/2022 là 984.951.475.438 đồng (bao gồm 17.211.475.438 đồng từ Đợt 1 và 967.740.000.000 đồng từ Đợt 2) theo như Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00235-22-2 ngày 05/12/2022 và Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00235-22-03 ngày 10/11/2022.

14.2. Về đợt chào bán/phát hành cổ phiếu gần nhất

- Ngân hàng đã thực hiện:
 - Phát hành 15.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu theo Công văn số 354/UBCK-QLCB ngày 01/02/2021, Phương án chi tiết theo CBTT phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) số 01/2021/TGD-CBTT ngày 05/02/2021.
 - Chào bán 35.233.333 cổ phiếu ra công chúng với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu theo Giấy chứng nhận số 306/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 17/12/2020, phương án chi tiết theo Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng tháng 12/2020.
- Kết quả phát hành:
 - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Số cổ phiếu đã phân phối: 14.996.948 cổ phiếu, tương ứng 99,98% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
 - Chào bán cổ phiếu ra công chúng: Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 34.993.052 cổ phiếu, tương ứng 99,32% tổng số cổ phiếu chào bán.
- Phương án sử dụng vốn:

Được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 05/20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/08/2020. Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 121A/20/NQ-HĐQT ngày 25/11/2020 và chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động tại Nghị quyết số 136/20/NQ-HĐQT ngày 31/12/2020.

Ngày 12/05/2022, HĐQT ban hành Nghị quyết số 66/22/NQ-HĐQT về việc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu phù hợp hơn với tình hình thực tế của mục đích sử dụng vốn. Phương án sử dụng vốn cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Cổ đông hiện hữu (đồng) (Đã thay đổi)	Chương trình Lựa chọn Người lao động (đồng) (Giữ nguyên)	Số tiền (đồng)
1	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh Ngân hàng, tăng quy mô hoạt động các chi nhánh: Kinh doanh vốn, gửi vốn, đầu tư và hoạt động kinh doanh khác của BVB	217.000.000.000	100.000.000.000	317.000.000.000
2	Bổ sung vốn cho vay trung - dài hạn	100.000.000.000	49.969.480.000	149.969.480.000
3	Đầu tư mở rộng trụ sở chi nhánh, trang thiết bị hoạt động	32.000.000.000	-	32.000.000.000
4	Đầu tư công nghệ	930.520.000	-	930.520.000
Tổng cộng		349.930.520.000	149.969.480.000	499.900.000.000

- Tình hình sử dụng vốn thực tế của đợt chào bán ra công chúng và ESOP của Ngân hàng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00235-22-01 ngày 30/05/2022

Mục đích sử dụng	Số tiền (đồng)
Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh Ngân hàng, tăng quy mô hoạt động các chi nhánh từ ngày 13/05/2021 đến ngày 13/05/2022	317.000.000.000
Bổ sung vốn cho vay trung - dài hạn từ ngày 28/10/2021 đến ngày 07/12/2021	149.969.480.000
Đầu tư mở rộng trụ sở chi nhánh, trang thiết bị hoạt động từ ngày 04/03/2022 đến ngày 17/03/2022	32.000.000.000
Đầu tư công nghệ ngày 13/12/2021	930.520.000
Số dư còn lại tại ngày 15 tháng 5 năm 2022	0

- Ý kiến của kiểm toán viên (theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00235-22-01 do Công ty TNHH KPMG lập ngày 30/05/2022):

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ ngày 12 tháng 5 năm 2021 đến ngày 13 tháng 5 năm 2022 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và người lao động theo chương trình Lựa chọn cho Người lao động từ ngày 8 tháng 1 năm 2021 đến ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn".

15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

15.1. Thông tin về các hợp đồng thuê quyền sử dụng đất

Không có

15.2. Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn của Tổ chức phát hành

Tính đến 31/12/2022, tổng số dư trái phiếu do BVB đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 4.227.870 triệu đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó:

Trái phiếu phát hành ra công chúng: 1.786.870 triệu đồng, chiếm 42% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 2.441.000 triệu đồng, chiếm 58% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, BVB đã và đang thực hiện đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

15.3. Các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi

Không có

16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

17. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Ngân hàng cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán: Ngân hàng không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

Bảng 33: Chỉ tiêu về thu nhập (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	2022/2021
Thu nhập thuần từ tín dụng	1.104.675	1.434.862	1.713.866	19%
Thu nhập thuần phi tín dụng	311.176	298.433	203.372	-32%
Tổng thu nhập thuần	1.415.851	1.733.295	1.917.238	11%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 34: Chỉ tiêu về thu nhập (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	2022/2021
Thu nhập thuần từ tín dụng	1.102.641	1.432.739	1.712.267	20%
Thu nhập thuần phi tín dụng	311.493	298.451	203.128	-32%
Tổng thu nhập thuần	1.414.134	1.731.190	1.915.395	11%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Bảng 35: Các chỉ tiêu về chi phí (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	2022/2021
Lương và chi phí có liên quan	427.953	554.330	638.297	15%
Chi phí khấu hao	59.551	62.097	65.434	5%
Chi phí hoạt động khác	379.957	434.988	533.107	23%
Tổng cộng chi phí	867.461	1.051.415	1.236.838	18%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 36: Các chỉ tiêu về chi phí (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	2022/2021
Lương và chi phí có liên quan	426.937	553.118	636.799	15%
Chi phí khấu hao	59.551	62.097	65.434	5%
Chi phí hoạt động khác	379.570	434.540	533.356	23%
Tổng cộng chi phí	866.058	1.049.755	1.235.590	18%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Bảng 37: Các chỉ tiêu về lợi nhuận (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Lợi nhuận trước thuế	201.488	311.448	456.055
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(40.632)	(62.610)	(92.007)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế	160.856	248.838	364.048

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 38: Các chỉ tiêu về lợi nhuận (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Lợi nhuận trước thuế	201.174	311.003	455.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(40.469)	(62.332)	(91.635)
Lợi nhuận sau thuế	160.705	248.671	363.825

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

1.2. Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 39: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	2022/2021
Tổng giá trị tài sản	61.101.561	76.511.392	79.067.497	3%
Tổng huy động	55.942.090	70.562.195	70.832.057	0%
<i>Thị trường 1</i>	46.595.826	55.821.990	59.613.895	7%
<i>Thị trường 2</i>	9.346.264	14.740.205	11.218.162	-24%
Tổng dư nợ cho vay	50.733.933	61.241.295	61.072.743	0%
<i>Thị trường 1</i>	39.832.796	46.389.215	50.859.390	10%
<i>Thị trường 2</i>	10.901.137	14.852.080	10.213.353	-31%
Doanh thu thuần	1.415.851	1.733.295	1.917.238	11%
Tổng thu nhập hoạt động	4.808.775	5.123.777	6.256.444	22%
Tổng chi phí	(4.260.385)	(4.441.897)	(5.576.044)	26%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	548.390	681.880	680.400	0%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(346.902)	(370.432)	(224.345)	-39%
Thuế và các khoản phải nộp	(40.632)	(62.610)	(92.007)	47%
Lợi nhuận trước thuế	201.488	311.448	456.055	46%
Lợi nhuận sau thuế	160.856	248.838	364.048	46%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 40: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	2022/2021
Tổng giá trị tài sản	61.202.061	76.611.999	79.067.497	3%
Tổng huy động	56.075.962	70.696.390	70.832.057	0%
<i>Thị trường 1</i>	46.729.698	55.956.185	59.613.895	7%
<i>Thị trường 2</i>	9.346.264	14.740.205	11.218.162	-24%
Tổng dư nợ cho vay	50.733.933	61.241.295	61.072.743	0%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	2022/2021
<i>Thị trường 1</i>	39.832.796	46.389.215	50.859.390	10%
<i>Thị trường 2</i>	10.901.137	14.852.080	10.213.353	-31%
Doanh thu thuần	1.414.134	1.731.190	1.915.395	11%
Tổng thu nhập kinh doanh	4.808.480	5.123.149	6.255.593	22%
Tổng chi phí	(4.260.404)	(4.441.714)	(5.575.788)	26%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	548.076	681.435	679.805	0%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(346.902)	(370.432)	(224.345)	-39%
Thuế và các khoản phải nộp	(40.469)	(62.332)	(91.635)	47%
Lợi nhuận trước thuế	201.174	311.003	455.460	46%
Lợi nhuận sau thuế	160.705	248.671	363.825	46%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng

Trong năm 2021 làn sóng Covid-19 lần 4 bùng phát mạnh, khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân càng gặp nhiều khó khăn, tác động làm tình hình kinh tế vĩ mô có phần diễn biến phức tạp trong năm 2021 và các tháng đầu năm 2022, bên cạnh đó, những chính sách của NHNN cũng như những yếu tố cạnh tranh đã tác động đến hệ thống ngân hàng nói chung và BVB nói riêng.

- Đầu năm 2022, NHNN ra chỉ thị 01 thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng với các mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát:
 - ✓ Quyết liệt triển khai đề án tái cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025
 - ✓ Thực hiện các giải pháp nhằm kiểm soát quy mô, tăng trưởng tín dụng hợp lý, hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.
 - ✓ Triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh.
 - ✓ Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng và hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán và chuyển đổi số.
- NHNN ra chỉ thị 02 về việc đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng.
- Tiếp tục áp dụng các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Thông tư 01 (được sửa đổi bởi thông tư 03 và 14).

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về yếu tố cạnh tranh, chính sách vĩ mô và biến động thị trường nhưng BVB luôn tuân thủ đúng quy định của NHNN và duy trì tốc độ phát triển hàng năm.

Để đáp ứng được nhu cầu kinh doanh trong thời gian tới thì BVB vẫn đang trong tiến trình cùng cố tổ chức hoạt động, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao hệ thống đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thị trường và hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 41: Cơ cấu vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm sv đầu năm
1	Vốn	3.171.009	3.670.909	3.670.909	0%
	Vốn điều lệ	3.171.000	3.670.900	3.670.900	0%
	Thặng dư vốn cổ phần	8	8	8	0%
	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	1	1	1	0%
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	192.362	216.505	253.336	17,01%
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	0%
4	Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	526.982	751.675	1.078.341	43,46%
	Vốn chủ sở hữu	3.890.353	4.639.089	5.002.586	7,84%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 42: Cơ cấu vốn chủ sở hữu (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm sv đầu năm
1	Vốn	3.171.009	3.670.909	3.670.909	0%
	Vốn điều lệ	3.171.000	3.670.900	3.670.900	0%
	Thặng dư vốn cổ phần	8	8	8	0%
	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	1	1	1	0%
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	159.456	183.432	220.041	1,63%
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
4	Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	526.982	751.675	1.078.341	43,56%

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm sv đầu năm
	Vốn chủ sở hữu	3.857.447	4.606.016	4.969.291	7,12%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Bảng 43: Nguồn vốn kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm sv đầu năm
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.486.331	100,0%
2	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	9.346.264	14.740.205	11.218.162	-23,89%
3	Tiền gửi của khách hàng	41.372.546	45.244.577	50.129.097	10,8%
4	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	0%
5	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	352.500	100,00%
6	Phát hành giấy tờ có giá	5.223.280	10.577.413	9.484.798	-10,33%
7	Các khoản nợ khác	1.269.118	1.310.108	1.394.023	6,41%
8	Vốn chủ sở hữu	3.890.353	4.639.089	5.002.586	7,84%
	Tổng nguồn vốn kinh doanh	61.101.561	76.511.392	79.067.497	1,52%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 44: Nguồn vốn kinh doanh (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm sv đầu năm
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.486.331	100%
2	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	9.346.264	14.740.205	11.218.162	-23,89%
3	Tiền gửi của khách hàng	41.506.418	45.378.772	50.264.075	10,77%
4	Các công cụ tài chính phái sinh và	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm sv đầu năm
	<i>các khoản nợ tài chính khác</i>				
5	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	352.500	100%
6	Phát hành giấy tờ có giá	5.223.280	10.577.413	9.484.798	-10,33%
7	Các khoản nợ khác	1.268.652	1.309.593	1.393.394	6,40%
8	Vốn chủ sở hữu	3.857.447	4.606.016	4.969.291	7,89%
Tổng	nguồn vốn kinh doanh	61.202.061	76.611.999	79.168.551	3,34%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ/ kinh doanh:

Kết thúc năm 2022, BVB đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh doanh, với kết quả ấn tượng của một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất cơ bản như sau: Tổng tài sản của BVB đến 31/12/2022 đạt xấp xỉ 79.067 tỷ đồng, tăng 1,5% so với cuối năm 2021. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ, kết quả kinh doanh năm 2022 của BVB với lợi nhuận sau thuế đạt gần 364 tỷ đồng.

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình: Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 - 50 năm
- máy móc thiết bị 3 - 20 năm
- phương tiện vận chuyển 3 - 10 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 - 10 năm
- tài sản cố định hữu hình khác 4 - 25 năm

Tài sản cố định vô hình: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, ngân hàng không tính khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn

- quyền sử dụng đất có thời hạn 38 - 49 năm
- phần mềm máy vi tính 3 - 20 năm

2.1.3. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2022 là: 20,64 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối khá so với các doanh nghiệp cùng ngành.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng quỹ lương (triệu đồng)	361.070	470.819	535.696
2	Tổng số lao động (người)	1.840	2.077	2.481
3	Mức lương bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	18,10	20,98	20,64

Nguồn: Ngân hàng Bàn Việt

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 45: Các khoản phải thu và tài sản có khác (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
1	Các khoản phải thu	1.543.746	1.533.597	1.523.442
2	Các khoản lãi, phí phải thu	933.997	856.231	1.168.300
3	Tài sản có khác	194.132	151.071	399.091
4	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(570)	(13.738)	-
Tổng cộng		2.671.305	2.527.161	3.090.833

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 46: Các khoản phải thu và tài sản có khác (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
1	Các khoản phải thu	1.543.701	1.533.523	1.524.517
2	Các khoản lãi, phí phải thu	933.997	856.231	1.168.300
3	Tài sản có khác	194.107	151.025	399.070
4	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-	(13.011)	-
Tổng cộng		2.671.805	2.527.768	3.091.887

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

Tại ngày 31/12/2022 Ngân hàng không có khoản phải thu quá hạn. Công ty con có khoản phải thu tiền cho thuê nhà 150 triệu đồng quá hạn dưới 3 tháng.

Bảng 47: Các khoản phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.486.331
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	9.346.264	14.740.205	11.218.162
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	8.920.298	13.950.359	8.716.081
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	425.966	789.846	2.502.081
III	Tiền gửi của khách hàng	41.372.546	45.244.577	50.129.097
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	352.500

STT	Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
VI	Phát hành giấy tờ có giá	5.223.280	10.577.413	9.484.798
VII	Các khoản nợ khác	1.269.118	1.310.108	1.394.023
1	Các khoản lãi, phí phải trả	1.113.534	979.294	1.186.100
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	155.584	330.814	207.923
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	57.211.208	71.872.303	74.064.911

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Ngân hàng thanh toán đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ phải trả theo quy định.

Bảng 48: Các khoản phải trả (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.486.331
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	9.346.264	14.740.205	11.218.162
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	8.920.298	13.950.359	8.716.081
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	425.966	789.846	2.502.081
III	Tiền gửi của khách hàng	41.506.418	45.378.772	50.264.075
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	352.500
VI	Phát hành giấy tờ có giá	5.223.280	10.577.413	9.484.798
VII	Các khoản nợ khác	1.268.652	1.309.593	1.393.394
1	Các khoản lãi, phí phải trả	1.113.534	979.294	1.186.100
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	155.118	330.299	207.294
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	57.344.614	72.005.983	74.199.260

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC 31/12/2022 của BVB

Ngân hàng thanh toán đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ phải trả theo quy định.

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Ngân hàng luôn thanh toán đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo quy định của Nhà nước

Bảng 49: Số dư các loại thuế phải nộp theo luật định (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.931	(14.750)	6.700

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
2	Thuế giá trị gia tăng	3.572	1.444	1.370
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.622	2.370	8.264
4	Thuế nhà thầu nước ngoài	54	88	421
Tổng cộng		13.179	(10.848)	16.755

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 50: Số dư các loại thuế phải nộp theo luật định (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.004	(14.900)	6.686
2	Thuế giá trị gia tăng	3.590	1.455	1.373
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.620	2.365	8.261
4	Thuế nhà thầu nước ngoài	54	88	421
Tổng cộng		13.268	(10.992)	16.741

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

2.1.6. Trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Ngân hàng thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của BVB và quy định của pháp luật hiện hành.

Chi tiết trích lập các quỹ qua các năm:

Bảng 51: Trích lập các quỹ theo luật định (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
2	Quỹ dự phòng tài chính	12.603	16.097	24.922
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6.302	8.048	12.460
4	Quỹ khác	5.000	-	-
Tổng cộng		23.905	24.145	37.382

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 52: Trích lập các quỹ theo luật định (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
2	Quỹ dự phòng tài chính	12.503	15.985	24.773

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6.251	7.993	12.386
4	Quỹ khác	5.000	-	-
Tổng cộng		23.754	23.978	37.159

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Trong thời gian tới, BVB định hướng tập trung phát triển mảng bán lẻ, nâng cao dịch vụ, kết hợp công nghệ số hóa phục vụ đến khách hàng nhằm mở rộng quy mô và tài chính của ngân hàng.

Bên cạnh đó, dự báo của các tổ chức quốc tế uy tín đều đánh giá Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức gần 7,0% vào năm 2023 trong bối cảnh mà dịch bệnh được kiểm soát và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế. Đây là một dấu hiệu đáng mừng cho sự tăng trưởng của ngân hàng trong tương lai gần.

Tuy nhiên, mặc dù nền kinh tế tiếp tục cho thấy khả năng chống chịu và đang phục hồi nhưng những rủi ro tiềm ẩn do dịch bệnh gây ra và xung đột giữa Nga và U-crai-na đã làm gia tăng tính bất định về phục hồi kinh tế toàn cầu, tạo ra những căng thẳng mới đối với chuỗi cung ứng toàn cầu và tăng áp lực lạm phát. Bên cạnh đó, mức độ thắt chặt tiền tệ ở các nền kinh tế chủ chốt nhằm xử lý áp lực lạm phát cũng gây ảnh hưởng đến lãi suất cho vay - huy động của các ngân hàng hiện tại. Qua đó, tác động vào lợi nhuận của ngân hàng.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 53: Tình hình tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về vốn			
- Vốn điều lệ	3.171.000	3.670.900	3.670.900
- Vốn tự có	4.725.868	6.833.398	7.803.222
- Tỷ lệ an toàn vốn	9,3%	10,86%	13,15%
2. Chất lượng tài sản			
- Tỷ lệ nợ quá hạn	3,70%	3,79%	5,20%
- Tỷ lệ nợ xấu	2,80%	2,53%	2,79%
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	83,0%	80,0%	77,24%
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	92,9%	98,33%	94,55%
3. Khả năng thanh khoản			
- Tỷ lệ Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	13,04%	11,10%	13,76%
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	21,0%	22,1%	16,58%
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	71,80%	77,3%	74,14%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	0,37%	0,47%	0,58%
- Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	5,30%	7,10%	9,39%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	2,17%	2,30%	2,30%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,29%	0,38%	0,46%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	4,22%	5,83%	7,55%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	507	678	992
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	7,8%	8,3%	10,6%
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	29,9%	22,8%	22,9%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất 31/12/2022 của BVB

Bảng 54: Tình hình tài chính (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về vốn			
- Vốn điều lệ	3.171.000	3.670.900	3.670.900
- Vốn tự có	4.692.742	6.800.313	7.753.278
- Tỷ lệ an toàn vốn	9,18%	10,79%	13,04%
2. Chất lượng tài sản			
- Tỷ lệ nợ quá hạn	3,70%	3,79%	5,20%
- Tỷ lệ nợ xấu	2,80%	2,53%	2,79%
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	77,0%	79,9%	77,24%
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	92,9%	95,2%	94,43%
3. Khả năng thanh khoản			
- Tỷ lệ Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	13,0%	14,2%	13,58%
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	21,0%	18,2%	16,53%
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	71,8%	77,2%	73,99%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	0,37%	0,47%	0,58%
- Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	5,34%	7,15%	9,44%
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	2,17%	2,29%	2,30%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,29%	0,37%	0,46%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	4,22%	5,83%	7,55%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	507	677	991
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	7,8%	8,3%	10,6%
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	29,9%	22,8%	23,0%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC riêng lẻ 31/12/2022 của BVB

3. Ý kiến của kiểm toán về Báo cáo tài chính của BVB qua các năm

3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2020 do Công ty TNHH KPMG Việt Nam ban hành

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 20-01-00368-21-2 ngày 19/03/2021 về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020

- Ý kiến của kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 20-01-00368-21-1 ngày 19/03/2021 về Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2020

- Ý kiến của kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"

3.2. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2021 do Công ty TNHH KPMG Việt Nam ban hành

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 21-01-00380-22-2 ngày 15/03/2022 về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020

- Ý kiến của kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 21-01-00380-22-1 ngày 15/03/2022 về Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2021

- Ý kiến của kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"

3.3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do Công ty TNHH KPMG Việt Nam ban hành

- Báo cáo soát xét số 22-01-00380-22-2 ngày 15/08/2022 về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2022

- Kết luận của kiểm toán viên:

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ”.

- Báo cáo soát xét số 22-01-00380-22-2 ngày 15/08/2022 về báo cáo tài chính riêng lẻ giữa niên độ tại ngày 30/06/2022

- Kết luận của kiểm toán viên:

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch

ĐHĐCĐ của BVB đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2022 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 08/04/2022, theo Nghị quyết số 01/22/NQ-ĐHĐCĐ. Tại thời điểm hiện tại Ngân hàng chưa thông qua kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2023

Bảng 55: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (kế hoạch)	Năm 2022 (thực tế theo BCTC hợp nhất 2022)	% tăng/giảm so với kế hoạch
1	Thu nhập lãi thuần	1.762	1.714	-2,7%
2	Lợi nhuận sau thuế	360	364	1,1%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	20,4%	21,2%	0,8%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (kế hoạch)	Năm 2022 (thực tế theo BCTC hợp nhất 2022)	% tăng/giảm so với kế hoạch
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	5,9%	7,6%	1,7%
5	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Theo kế hoạch, đến ngày 31/12/2022, BVB đã thực hiện được 97,3% kế hoạch doanh thu nhập lãi thuần đã đề ra trong năm 2022. Lợi nhuận sau thuế của BVB tăng trưởng nhẹ so với kế hoạch do những nỗ lực mở rộng quy mô và mạng lưới hoạt động, phát triển hệ thống sản phẩm dịch vụ một cách đầy đủ và đa dạng trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, phù hợp với nhu cầu của khách hàng và yêu cầu hội nhập.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Tính đến hiện tại, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2023 của BVB chưa được ĐHCĐ thông qua. Dựa theo tình hình thực tế, BVB đã thu được 1.714 tỷ đồng thu nhập lãi thuần, hoàn thành 97,3% kế hoạch doanh thu đã đề ra. Trong năm 2022, BVB đạt được 364 tỷ đồng, vượt 1,1% kế hoạch đã đề ra. Điều này cho thấy BVB đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo chính xác về tình hình kinh doanh trong năm 2022.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Ngân hàng được thành lập ngày 22/08/1992 và đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Hiện tại Ngân Hàng không có cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát

Bảng 56: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

ST T	Tên	Năm sinh	Số CMND/Passport	Chức danh
I	Hội đồng quản trị			
1	Ông Lê Anh Tài	1972	079072014628	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thanh Phượng	1980	091180000104	Thành viên thường trực HĐQT
3	Ông Ngô Quang Trung	1973	001073000650	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Nhật Nam	1981	025198105	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Quang Khánh	1985	001085028782	Thành viên HĐQT độc lập
II	Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Ngô Quang Trung	1973	001073000650	Tổng Giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	1968	083168000335	Phó Tổng Giám đốc thường trực (Thời nhiệm từ ngày 01/10/2022)
3	Ông Phạm Anh Tú	1974	022946108	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Văn Bé Mười	1972	352054078	Phó Tổng Giám đốc
III	Ban Kiểm soát			
1	Bà Phan Thị Hồng Lan	1967	019167005906	Trưởng BKS
2	Ông Lê Hoàng Nam	1974	022761665	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý	1973	023796545	Thành viên BKS
IV	Kế toán trưởng			
1	Ông Lý Công Nha	1967	025412735	Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng Quản trị

3.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: LÊ ANH TÀI
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 25/02/1972

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	737/4 (số cũ 2681) Lạc Long Quân, Phường 10, Quận Tân Bình, TP.HCM
Số CCCD/CMND:	079072014628
Ngày cấp:	10/12/2019
Nơi cấp:	Cục Cảnh Sát
Số điện thoại:	028 62679679
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM
Kinh nghiệm công tác:	
• 1991 - 04/1995	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
• 04/1995 – 10/1996	Nhân viên kế toán, kế toán trưởng Công ty Lê Nhân
• 11/1996 – 03/2001	Chuyên viên tín dụng, tổ trưởng tổ tiếp thị kiêm Tổ trưởng tổ định giá tài sản Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 04/2001 – 06/2002	Chuyên viên Phòng KSNB Hội sở chính Ngân hàng TMCP Á Châu
• 07/2002 – 05/2003	Chuyên viên Phòng tín dụng doanh nghiệp Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – CN TP.HCM
• 06/2003 – 02/2007	Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Hội sở, Giám đốc CN Tân Bình, Bến Thành và Tân Định Ngân hàng TMCP Nam Á
• 03/2007 – 04/2010	Giám đốc Khối kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (Thái Bình Dương)
• 05/2010 – 10/2011	Phó Ban Tái cơ cấu Ban Tái cơ cấu Ngân hàng TMCP Việt Hoa
• 05/2012 – 08/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long
• 08/2012 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
+ Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ:	10.265.928 cổ phần chiếm 2,80% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
+ Sở hữu cá nhân:	10.265.928 cổ phần chiếm 2,80% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác:	Không có
Các cam kết nắm giữ (nếu có) :	Không có
Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH:	Không có người liên quan sở hữu cổ phần
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của tceph:	Không có
Những khoản nợ đối với Ngân hàng:	Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân Hàng: Không có
hàng:

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

+ Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Lê Anh Tài và người có liên quan với Ngân hàng:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Anh Tài	Chủ tịch HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	27	2020		Số dư tại 31/12/2020
			122	2021		Số dư tại 31/12/2021
			291	2022		Số dư tại 31/12/2022

+ Thù lao và lợi ích khác nhận được: Thù lao Chủ tịch HĐQT từ Ngân hàng:

3.1.2. Thành viên thường trực HĐQT

Họ và tên: NGUYỄN THANH PHƯỢNG
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 20/03/1980
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 91 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
Số CCCD/CMND: 091180000104
Ngày cấp: 18/06/2020
Nơi cấp: Cục Cảnh Sát
Số điện thoại: 028 62679679
Trình độ học vấn: 12/12
Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học International University in Geneva, Cử nhân kinh tế Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội

Kinh nghiệm công tác:

- 10/1997 – 7/2001 Sinh viên Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội
- 10/2001 – 12/2003 Theo học chương trình thạc sỹ tại Đại học International University in Geneva
- 4/2004 – 5/2006 Phó Giám đốc tài chính Công ty Holcim Vietnam Ltd
- 6/2006 – 8/2007 Giám đốc đầu tư Vietnam Holding Asset Management
- 10/2007 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt
- 11/2007 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bản Việt
- 5/2007 – nay Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bản Việt
- 2/2012 – nay Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt

Các chức vụ công tác hiện nay:

- + Chức vụ tại tổ chức phát hành:
- + Chức vụ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
 Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Chứng Khoán Bản Việt
 Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Quản Lý Quỹ & Đầu tư
 Chứng khoán Bản Việt

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- + Sở hữu cá nhân:

Thành viên HĐQT Công Ty CP Bất Động Sản Bản Việt
 16.333.333 cổ phần chiếm 4,45% tổng số cổ phiếu đang
 lưu hành

- + Đại diện phần vốn của tổ chức khác:

16.333.333 cổ phần chiếm 4,45% tổng số cổ phiếu đang
 lưu hành

Các cam kết nắm giữ (nếu có) :

Không có

Ca nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH:

Không có người liên quan sở hữu cổ phần

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của tceph:

Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng

Không có

Quyền lợi ,mâu thuẫn với Ngân hàng:

Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Số dư và các giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Nguyễn Thanh Phượng và người có liên quan với Ngân hàng:

STT	Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thanh Phượng	Thành viên thường trực HĐQT	Mua giấy tờ có giá	30	21/08/2019	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2020
				30.000	21/09/2021	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2021
				-	21/09/2021	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2022
			Tiền gửi/ Tiết kiệm	65.739	2020		Số dư tại 31/12/2020
			324.468	2021		Số dư tại 31/12/2021	
			298.314	2022		Số dư tại 31/12/2022	

2	Công ty TNHH NL Mặt Trời áp mái Phoenix ITW	Bà Nguyễn Thanh Phượng là thành viên HĐQT của công ty	Cho vay	120.956	2020	HĐQT	Số dư tại 31/12/2020
				148.827	2021	HĐQT	Số dư tại 31/12/2021
				142.827	2022	HĐQT	Số dư tại 31/12/2022
			Tiền gửi/ Tiết kiệm	1	2020		Số dư tại 31/12/2020
				19	2021		Số dư tại 31/12/2021
				9	2022		Số dư tại 31/12/2022
3	Công ty CP Goodday Hospitality	Bà Nguyễn Thanh Phượng là cổ đông lớn và thành viên HĐQT của công ty	Cho vay	94.752	2020	HĐQT	Số dư tại 31/12/2020
				86.056	2021	HĐQT	Số dư tại 31/12/2021
				72.148	2022	HĐQT	Số dư tại 31/12/2022
			Tiền gửi/ Tiết kiệm	47.535	2020		Số dư tại 31/12/2020
				51.241	2021		Số dư tại 31/12/2021
				47.474	2022		Số dư tại 31/12/2022
4	Công ty CP chứng khoán Bản Việt	Bà Nguyễn Thanh Phượng là Chủ tịch HĐQT	Số dư của BVB tại CTCP Chứng khoán Bản Việt	165.281	2020	Ban TGĐ	Số dư của Ngân hàng tại 31/12/2020
				199.508	2021	Ban TGĐ	Số dư của Ngân hàng tại

						31/12/2021	
				930	2022	Ban TGD	Số dư của Ngân hàng tại 31/12/2022
			Tiền gửi/ Tiết kiệm của CTCP Chứng khoán Bản Việt tại BVB	94.027	2020		Số dư tại 31/12/2020
				234.940	2021		Số dư tại 31/12/2021
				423.749	2022		Số dư tại 31/12/2022
			Phí dịch vụ cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Bản Việt	4.340	2020	Ban TGD	Tổng phí dịch vụ trong 2020
				6.046	2021	Ban TGD	Tổng phí dịch vụ trong 2021
				4.498	2022	Ban TGD	Tổng phí dịch vụ trong năm 2022
5	Công ty CP Bất Động sản Bản Việt	Bà Nguyễn Thanh Phương là Thành viên HĐQT của công ty	Tiền gửi/ Tiết kiệm	8.846	2020		Số dư tại 31/12/2020
				29.168	2021		Số dư tại 31/12/2021
				599	2022		Số dư tại 31/12/2022
6	Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng	Bà Nguyễn Thanh Phương là Chủ tịch	Tiền gửi/ Tiết kiệm	121	2020		Số dư tại 31/12/2020
				12.065	2021		Số dư tại 31/12/2021

	khoản Bản Việt	HDQT của công ty		47.378	2022		Số dư tại 31/12/20 22
7	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Bà Nguyễn Thanh Phượng là cổ đồng lớn và thành viên HDQT của công ty	Tiền gửi/ Tiết kiệm	38.121	2020		Số dư tại 31/12/20 20
				970	2021		Số dư tại 31/12/20 21
				3.779	2022		Số dư tại 31/12/20 22

+ Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Ngân hàng: Thù lao Thành viên HĐQT

3.1.3. Thành viên HĐQT

a. Ông Ngô Quang Trung

Họ và tên:	NGÔ QUANG TRUNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/12/1973
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	61 Phố Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số CMND:	001073000650
Ngày cấp:	27/09/2013
Nơi cấp:	Hà Nội
Số điện thoại:	028 62679679
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ thương mại, chuyên ngành Quản lý Quỹ Đại học New South Wales, Sydney Úc, Cử nhân ngân hàng Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội
Kinh nghiệm công tác:	
• 1995 - 2000	Cán bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
• 2000 - 2003	Phó phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
• 2004 - 2007	Trưởng phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
• 2007 - 2009	Phó Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
• 2007 - 2010	Ủy viên HĐQT, chủ tịch HĐQT, đại diện phần vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Gia Định (nay là Ngân hàng TMCP Bản Việt)

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

- 2009 – 2012 Giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- 2013 - 2014 Tư vấn cao cấp về tài chính – ngân hàng Công ty TNHH Luật Bách Khoa
- 2014 – 03/2015 Phụ trách khu vực Công ty Quản lý rủi ro doanh nghiệp BlackIce (Canada)
- 4/2015 - nay: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt

Các chức vụ công tác hiện nay:

- + Chức vụ tại tổ chức phát hành: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
- + Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 11.200.000 cổ phần chiếm 3,05% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- + Sở hữu cá nhân: 11.200.000 cổ phần chiếm 3,05% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- + Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Không có người liên quan sở hữu cổ phần
- Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của tceph: Không có
- Những khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có
- Quyền lợi, mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:
- + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Ngô Quang Trung và người có liên quan với Ngân hàng:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Ngô Quang Trung	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	444	2020		Số dư tại 31/12/2020
			245	2021		Số dư tại 31/12/2021
			2.763	2022		Số dư tại 31/12/2022

+ Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Thù lao Thành viên HĐQT Ngân hàng:

b. Ông Nguyễn Nhật Nam

Họ và tên: NGUYỄN NHẬT NAM
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 26/09/1981
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Địa chỉ thường trú:	81 Đường số 2, Cư Xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TPHCM
Số CMND:	025198105
Ngày cấp:	21/08/2009
Nơi cấp:	TPHCM
Số điện thoại:	028 62679679
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân công nghệ thông tin, Cử nhân kinh tế
Kinh nghiệm công tác:	
• 09/1999-09/2011	Sinh viên Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM, chuyên ngành Công nghệ thông tin
• 09/2001-09/2005	Sinh viên Trường Đại Học Kinh Tế TPHCM, chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Thương mại)
• 09/2005-12/2006	Nhân viên Cty Bia Rượu NGK Sài Gòn- CN Cà Mau
• 12/2006-09/2009	Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
• 09/2009-07/2010	Tổ trưởng tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
• 07/2010-10/2011	Quản lý điều hành Quỹ tiết kiệm Lữ Gia-CN Thống Nhất – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
• 11/2011-12/2011	Phó phòng phụ trách tín dụng-Ngân hàng TMCP Gia Định
• 12/2011-05/2012	Giám đốc Quản lý điều hành Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 05/2012-07/2015	Giám đốc Khối phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 07/2015 đến 06/2020	Giám đốc Khối thẩm định tín dụng Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 06/2020 đến nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
+ Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ:	3.573.455 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,97% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
+ Sở hữu cá nhân:	3.573.455 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,97% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác:	Không có
Các cam kết nắm giữ (nếu có) :	Không có
Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH:	Bá Trần Thị Đăng Ngọc (là vợ) sở hữu 3.759.258 chiếm tỷ lệ 1,024% số cổ phiếu đang lưu hành.
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của teph	Không có
Những khoản nợ đối với Ngân hàng:	Không có
Quyền lợi ,mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:	Không có

+ Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Nhất Nam và người có liên quan với Ngân hàng:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Nguyễn Nhất Nam	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	161	2020		Số dư tại 31/12/2020
			133	2021		Số dư tại 31/12/2021
			55	2022		Số dư tại 31/12/2022

+ Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Thù lao Thành viên HĐQT Ngân hàng:

3.1.4. Thành viên HĐQT độc lập

Họ và tên: PHẠM QUANG KHÁNH
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 20/05/1985
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 179C Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TPHCM
 Số CMND: 001085028782
 Ngày cấp: 04/03/2019
 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát
 Số điện thoại: 028 62679679
 Trình độ học vấn: 12/12
 Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Bedfordshire (UK)

Kinh nghiệm công tác:

- 04/2003 đến 02/2007 Sinh viên Trường Bách Khoa Singapore
- 02/2007 đến 03/2009 Chuyên viên kỹ thuật Cty Trans Infotech Việt Nam
- 04/2009 đến 12/2010 Chuyên viên kỹ thuật Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
- 12/2010 đến 07/2011 Chuyên viên Phòng kinh doanh Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
- 07/2011 đến 04/2012 Chuyên viên Văn phòng đại diện Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
- 05/2012 đến 03/2015 Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
- 04/2015 đến 05/2015 Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc Gia Việt Nam(Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink sáp nhập vào)
- 06/2015 đến 06/2016 Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Bedfordshire (UK)
- 07/2016 đến 12/2016 Chuyên viên Văn phòng Đại diện TPHCM (Quay lại làm việc sau 01 năm học Thạc sỹ)

- 01/2017 đến nay
Thành viên HĐQT độc lập- Ngân hàng TMCP Bản Việt
Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM- Công Ty Cổ
Phần Thanh Toán Quốc Gia Việt Nam

Các chức vụ công tác hiện nay:

- + Chức vụ tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT độc lập- Ngân hàng TMCP Bản Việt
Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM- Công Ty Cổ
Phần Thanh Toán Quốc Gia Việt Nam
- + Chức vụ tại tổ chức khác:

Tổng số cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: Không có

+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Không có người liên quan sở hữu cổ phần

Người có liên quan đồng thời là Không có

người nội bộ của tçph:

Những khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có

Quyền lợi ,mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

+ Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Phạm Quang Khánh và người có liên quan với Ngân hàng:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	8	2020		Số dư tại 31/12/2020
			2	2021		Số dư tại 31/12/2021
			6	2022		Số dư tại 31/12/2022

+ Thù lao và lợi ích khác nhận được Thù lao Thành viên HĐQT từ Ngân hàng:

3.1.5. Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Q1,2,3/2022
Tổng quỹ thù lao	2.596	4.001	5.399

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm đã được Đại hội thông qua mức thù lao đối với thành viên HĐQT.

3.2. Ban Tổng Giám đốc

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

3.2.1. Tổng Giám đốc

Họ và tên: **NGÔ QUANG TRUNG**
Xem phần 3.1.3 a

3.2.2. Phó Tổng Giám đốc thường trực

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU HÀ**
Giới tính: **Nữ**
Ngày tháng năm sinh: **07/05/1968**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Dân tộc: **Kinh**
Địa chỉ thường trú: **135/21 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**

Số CMND: **083168000335**
Ngày cấp: **17/03/2011**
Nơi cấp: **TP. HCM**
Số điện thoại: **028 62679679**
Trình độ học vấn: **12/12**
Năng lực chuyên môn: **Cử nhân Đại học Ngân hàng tại TP. HCM**
Kinh nghiệm công tác:

- 1986 - 1988 **Học sinh THPT tại Bến Tre**
- 1988 - 1992 **Sinh viên Đại học Ngân hàng TP. HCM**
- 1992 - 2003 **Thanh tra viên Ngân hàng Nhà nước CN TP. HCM**
- 2003 - 2007 **Phó chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước CN TP. HCM**
- 2008 - đến nay **Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt**

Các chức vụ công tác hiện nay:
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành: **Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt**
+ Chức vụ tại tổ chức khác: **Không có**
Tổng số cổ phần nắm giữ: **4.359.258 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,19% số lượng cổ phiếu đang lưu hành**
+ Sở hữu cá nhân: **4.359.258 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,19% số lượng cổ phiếu đang lưu hành**
+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác: **Không có**

Các cam kết nắm giữ (nếu có): **Không có**
Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: **Không có**
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của tceph: **Không có**
Những khoản nợ đối với Ngân hàng: **Không có người liên quan sở hữu cổ phần**
Quyền lợi, mâu thuẫn với Ngân hàng: **Không có**
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:
+ Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Nguyễn Thu Hà và người có liên quan với Ngân hàng:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Nguyễn Thị Thu Hà	Phó TGD	Mua giấy tờ có giá	80	28/08/2019		Số dư tại 31/12/2020
		Tiền gửi/ Tiết kiệm	346	2020		Số dư tại 31/12/2020
			1.443	2021		Số dư tại 31/12/2021
			614	2022		Số dư tại 31/12/2022

+ Thù lao và lợi ích khác nhận được Thù lao Ban TGD từ Ngân hàng:

3.2.3. Phó Tổng Giám đốc

a. Ông Phạm Anh Tú

Họ và tên:	PHẠM ANH TÚ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/07/1974
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	B3-104, An Hòa 7 – Tổ 3 – KP1 – Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
Số CMND:	022946108
Ngày cấp:	29/12/2009
Nơi cấp:	Tp Hồ Chí Minh
Số điện thoại:	028 62679679
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Công nghiệp trường Đại học Tài Chính Kế Toán Tp. Hồ Chí Minh. Hiện Ông là thành viên hiệp hội kế toán Australia (CPA Australia)

Kinh nghiệm công tác:

- | | |
|--------------|---|
| • 1997-2000 | Kế toán trưởng Cty Toshiba |
| • 2000-2002 | Giám đốc kiểm soát tài chính tại CTY Novartis |
| • 2002-2005 | Giám Đốc tài chính tại VPĐD Ikea (Việt nam) |
| • 2005-2006 | Giám đốc QHKH Ngân hàng HSBC CN HCM |
| • 2007-2012 | Giám Đốc tài chính Cty CP QLQ ĐTCK Bản Việt |
| • 2012 - nay | Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt |

Các chức vụ công tác hiện nay:

- | | |
|----------------------------------|---|
| + Chức vụ tại tổ chức phát hành: | Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt |
| + Chức vụ tại tổ chức khác: | Không có |

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- + Sở hữu cá nhân: 4.255.553 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,16% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Đại diện phần vốn của tổ chức khác: 4.255.553 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,16% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 Không có
- Các cam kết nắm giữ (nếu có):
 Ca nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Không có
 Không có người liên quan sở hữu cổ phần
- Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của tceph: Không có
- Những khoản nợ đối với Ngân hàng:
 Quyền lợi, mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
 Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:
 + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Phạm Anh Tú và người có liên quan với Ngân hàng:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Phạm Anh Tú	Phó TGD	Tiền gửi/ Tiết kiệm	31	2021		Số dư tại 31/12/2021
			31	2022		Số dư tại 31/12/2022

- + Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Ngân hàng: Thù lao Ban TGD

b. Ông Lê Văn Bé Mười

Họ và tên: LÊ VĂN BÉ MƯỜI
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 10/03/1972
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 135 A7 Đinh Công Tráng, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

Số CMND: 352054078
 Ngày cấp: 04/04/2007
 Nơi cấp: CA An Giang
 Số điện thoại: 028 62679679
 Trình độ học vấn: 12/12
 Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính trường Đại học Cần Thơ.

Kinh nghiệm công tác:

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

- 09/2006 – 10/2012 Phó Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tin – CN An Giang
- 11/2012 – 10/2013 Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Kỹ thương – CN An Giang
- 11/2013 – 04/2017 Giám đốc khu vực Tây Nam Bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 05/2017 – Đến nay Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt

Các chức vụ công tác hiện nay:

- + Chức vụ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
- + Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 4.229.628 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,15% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Sở hữu cá nhân: 4.229.628 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,16% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của teph: Không có
- Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Không có người liên quan sở hữu cổ phần
- Những khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có
- Quyền lợi ,mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:
- + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Lê Văn Bé Mười và người có liên quan với Ngân hàng:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Văn Bé Mười	Phó TGD	Tiền gửi/ Tiết kiệm	711	2020		Số dư tại 31/12/2020
			4	2021		Số dư tại 31/12/2021
			53	2022		Số dư tại 31/12/2022

+ Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Ngân hàng: Thù lao Ban TGD

3.2.4. Thù lao và lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng quỹ thù lao	5,285	8,345	10,193

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ về mức thù lao áp dụng đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc

3.3. Ban Kiểm soát

3.3.1. Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	PHAN THỊ HỒNG LAN
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	07/11/1967
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	50/39/5 Đinh Tiên Hoàng, Phường 1, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Số CMND:	019167005906
Ngày cấp:	20/12/2021
Nơi cấp:	Cục cảnh sát
Số điện thoại:	028 62679679
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
Kinh nghiệm công tác:	
• 1986 - 1990	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế
• 1990 - 1995	Kế toán tổng hợp Trung tâm kỹ thuật chất dẻo
• 1995 - 1997	Kế toán công nợ Công ty Sữa Dutch Lady
• 1997 - 2007	Kế toán tổng hợp Cty LD American Home
• 2007 - 3/2013	Kế toán trưởng Cty CP QLQ ĐTCK Bản Việt
• 2011 - 3/2013	Kế toán trưởng Cty CP Pi Capital
• 2010 - 3/2013	Kế toán trưởng Cty TNHH Giáo dục Bản Việt
• 4/2013 - đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
+ Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ:	Không có
+ Sở hữu cá nhân:	Không có
+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác:	Không có
Các cam kết nắm giữ (nếu có) :	Không có
Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH:	Không có người liên quan sở hữu cổ phần
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của tceph:	Không có
Những khoản nợ đối với Ngân hàng:	Không có
Quyền lợi, mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:	
+ Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Phan Thị Hồng Lan và người có liên quan với Ngân hàng:	

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Phan Thị Hồng Lan	Trưởng BKS	Tiền gửi/ Tiết kiệm	433	2020		Số dư tại 31/12/2020
			908	2021		Số dư tại 31/12/2021
			219	2022		Số dư tại 31/12/2022

+ Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Ngân hàng: Thù lao BKS

3.3.2. Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	LÊ HOÀNG NAM
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	07/10/1974
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	132/2H Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, TP. HCM
Số CMND:	022761665
Ngày cấp:	27/01/2011
Nơi cấp:	TP. HCM
Số điện thoại:	028 62679679
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng. Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
Kinh nghiệm công tác:	
• 1992 - 1995	Sinh viên Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng
• 4/1996 - 6/2009	Chuyên viên Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh TP. HCM
• 7/2009 - 7/2012	Kiểm toán nội bộ Cty tài chính dầu khí Việt Nam – CN TP. HCM
• 8/2012 - 01/2013	Chuyên viên Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Bàn Việt
• 01/2013 - 3/2014	Phó phụ trách kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bàn Việt
• 04/2014 – đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bàn Việt
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bàn Việt
+ Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ:	Không có
+ Sở hữu cá nhân:	Không có

**BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

- + Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có người liên quan sở hữu cổ phần
- Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Không có
- Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của teph: Không có
- Những khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có
- Quyền lợi, mâu thuẫn với Ngân hàng
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:
- + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Lê Hoàng Nam và người có liên quan với Ngân hàng:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Hoàng Nam	Thành viên BKS	Tiền gửi/ Tiết kiệm	72	2020		Số dư tại 31/12/2020
			74	2021		Số dư tại 31/12/2021
			42	2022		Số dư tại 31/12/2022

- + Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Ngân hàng: Thù lao BKS

3.3.3. Thành viên Ban kiểm soát

- | | |
|-----------------------|--|
| Họ và tên: | NGUYỄN THỊ THANH THÚY |
| Giới tính: | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh: | 31/01/1973 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Địa chỉ thường trú: | 87/171 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q. Bình Thạnh, TPHCM |
| Số CMTND: | 023796545 |
| Ngày cấp: | 23/09/2014 |
| Nơi cấp: | TP. HCM |
| Số điện thoại: | 028 62679679 |
| Trình độ học vấn: | 12/12 |
| Năng lực chuyên môn: | Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TPHCM |
| Kinh nghiệm công tác: | |
| • 10/1992-12/1996 | Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TPHCM |
| • 12/1996-07/2004 | Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định |
| • 07/2004-07/2006 | Phụ trách Kế toán Phó CN Đa Kao -Ngân hàng TMCP Gia Định |
| • 07/2006-03/2012 | Phó giám đốc CN Hàng Xanh -Ngân hàng TMCP Gia Định |

- 03/2012-12/2013 Phó giám đốc CN Hàng Xanh- Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 12/2013-10/2014 Trưởng phòng kế toán Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 10/2014-10/2015 Phó giám đốc phụ trách Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 10/2015- 08/2020 Giám đốc Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 08/2020- đến nay Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt

Các chức vụ công tác hiện nay:

+ Chức vụ tại tổ chức phát hành: Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt

+ Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: Không có

+ Sở hữu cá nhân: Không có

+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không có

Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Không có người liên quan sở hữu cổ phần

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của tceph: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng: Không có

Quyền lợi ,mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

+ Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Nguyễn Thị Thanh Thủy và người có liên quan với Ngân hàng:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	Tiền gửi/ Tiết kiệm	473	2020		Số dư tại 31/12/2020
			8	2021		Số dư tại 31/12/2021
			6	2022		Số dư tại 31/12/2022

+ Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Ngân hàng: Thù lao BKS

3.3.4. Thù lao và lợi ích khác của Ban kiểm soát

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng quỹ thù lao	1.034	1.432	1.619

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm đã được Đại hội thông qua mức thù lao đối với thành viên BKS.

3.4. Kế toán trưởng

Họ và tên:	LÝ CÔNG NHA
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/11/1967
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	P.308 CC Bàu Cát 2, P. 10, Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh
Số CMND:	025412735
Ngày cấp:	12/02/2011
Nơi cấp:	CA HCM
Số điện thoại:	028 62679679
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh
Kinh nghiệm công tác:	
• 04/1994 – 07/2006	Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cà Mau
• 08/2006 – 08/2009	Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Phú Thọ
• 09/2009 – 03/2010	Trưởng Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định
• 03/2010 – 03/2011	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Gia Định
• 04/2011 – 03/2017	Phó GD CN Ngân hàng BĐ Liên Việt – CN Chợ Lớn
• 03/2017 – Đến nay	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài sản Ngân hàng TMCP Bản Việt 3.870.370 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,05% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
+ Chức vụ tại tổ chức khác:	3.870.370 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,05% số lượng cổ phiếu đang lưu hành Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ:	
+ Sở hữu cá nhân:	Không có
+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác:	Không có
Các cam kết nắm giữ (nếu có) :	Không có người liên quan sở hữu cổ phần
Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH:	Không có
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của tcph:	Không có
Những khoản nợ đối với Ngân hàng:	Không có
Quyền lợi, mâu thuẫn với Ngân hàng	
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:	
+ Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Lý Công Nha và người có liên quan với Ngân hàng:	

**BẢN CÁO BẠCH
 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lý Công Nha	Kế toán trưởng	Tiền gửi/ Tiết kiệm	1.742	2020		Số dư tại 31/12/2020
			2.254	2021		Số dư tại 31/12/2021
			2.624	2022		Số dư tại 31/12/2022

+ Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Ngân hàng: Thù lao Kế toán trưởng

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/ cổ phần (Mười nghìn đồng/ cổ phần)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu chào bán: **146.836.000** cổ phiếu

Trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: **91.772.500** cổ phiếu (tỷ lệ thực hiện quyền 4:1)
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: **55.063.500** cổ phiếu (Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:15, tương ứng tỷ lệ là 15% mệnh giá)

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: **1.468.360.000.000** đồng

Trong đó:

- Giá trị cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: **917.725.000.000** đồng
- Giá trị cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: **550.635.000.000** đồng

5. Giá chào bán (đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu): 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: Dựa trên so sánh với giá trị sổ sách, Đại hội đồng cổ đông BVB thông qua giá phát hành là 10.000 đồng, nhằm tăng khả năng thành công của đợt chào bán và khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Ngân hàng;
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: BVB sử dụng một phần Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại từ năm 2020 trở về trước sau khi đã trích lập đủ các quỹ theo quy định để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu chào bán/phát hành cho cổ đông hiện hữu được phân phối theo phương thức thực hiện quyền

7.1. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phiếu chào bán : **91.772.500** cổ phiếu
- Tỷ lệ phân phối : 4:1 (Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông nắm giữ 04 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền mua, mỗi quyền mua được mua 01 cổ phần phát hành thêm)

**BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số cổ phiếu cổ đông nhận được sẽ làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân nếu có sẽ hủy bỏ
Phần dôi ra do làm tròn và số cổ phần còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết thì ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với nguyên tắc giá bán không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Trong trường hợp hết hạn phân phối, nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được huỷ và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán

7.2. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng cổ phiếu phát hành : **55.063.500** cổ phiếu
- Tỷ lệ phân phối : Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:15, tương ứng tỷ lệ là 15,0% mệnh giá
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số cổ phiếu cổ đông nhận được sẽ làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân nếu có sẽ bị hủy bỏ

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: theo quy định tối thiểu là 20 ngày
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số cổ phiếu dôi ra do làm tròn hoặc/ và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết được HĐQT phân phối tiếp.
- Phương thức thanh toán:
 - Cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền tại thành viên lưu ký đó.
 - Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại trụ sở Ngân hàng TMCP Bản Việt 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP HCM, và nộp tiền vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật.
 - Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được giữ tại tài khoản phong tỏa được nêu tại Điểm 11. Mục VII. Bản cáo bạch này.
- Quyền lợi người mua cổ phiếu: cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết được phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm.
- Phương án xử lý cổ phần lẻ phát sinh và cổ phần không được phân phối hết:
 - ✓ Đối với số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, số lẻ phát sinh sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phần;
 - ✓ Số cổ phần dôi ra do làm tròn và số cổ phần còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết thì HĐQT phân phối cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Ngân hàng có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với nguyên tắc giá bán không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông

hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Số cổ phiếu nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

- ✓ Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phần theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Thời gian phân phối dự kiến tối đa trong vòng 90 ngày. Tuy nhiên, trong trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn được cấp phép, Ngân hàng sẽ xin phép UBCKNN xem xét việc gia hạn phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày.
- Cổ đông không thực hiện góp vốn theo thời gian thông báo của Hội đồng quản trị xem như từ bỏ quyền mua cổ phiếu. Số cổ phiếu cổ đông từ bỏ quyền mua sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phân phối.
- Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán.

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D
2	Công bố thông tin theo quy định	D đến D + 5
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 6 đến D + 8
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D + 15
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D + 17
6	Phân bổ và thông báo quyền mua	D + 17 đến D + 24
7	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt mua	D + 24 đến D + 44
8	Tổng hợp danh sách	D + 51
9	HĐQT ra quyết định và thực hiện xử lý cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua và cổ phiếu lẻ (nếu có)	D + 53 đến D + 68
10	Báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN	D + 69
11	Đăng ký lưu ký chứng khoán và giao dịch bổ sung	D + 69 đến D + 90

D là ngày nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Quyền mua cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu: Quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng

Số cổ phần đổi ra do làm tròn và số cổ phần còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

11. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM
- Địa chỉ: Tòa nhà VBB, số 05 – Công trường Mê Linh, Quận 1, TP.HCM
- Số tài khoản: 007 100 1117701
- Chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Bản Việt

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Ngày 30/05/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành văn bản số 3614/NHNN-TTGSNN về việc tăng vốn điều lệ của BVB. Theo đó, NHNN có ý kiến sau:

- Chấp thuận việc BVB tăng vốn điều lệ tăng thêm tối đa 1.618.360.000.000 đồng dưới hình thức:
 - ✓ Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn cổ phần: 550.635.000.000 đồng
 - ✓ Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 917.725.000.000 đồng
 - ✓ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động: 150.000.000.000 đồng
- NHNN yêu cầu BVB:
 - ✓ Thực hiện việc tăng vốn theo quy định của pháp luật và của NHNN.
 - ✓ Chỉ được thực hiện tăng vốn theo quy định khi tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.
 - ✓ Thông báo bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân mua cổ phần của BVB thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo đúng quy định tại Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại BVB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của BVB; không được góp vốn, mua cổ phần của BVB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp uỷ thác theo quy định của pháp luật; Cổ đông nhận uỷ thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho BVB thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận uỷ thác đầu tư trong BVB. BVB có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.
 - Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các văn bản pháp luật liên quan về giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông, cổ đông và người có liên quan.
 - Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về cổ đông lớn, cổ đông lớn và người có liên quan
 - Tuân thủ quy định pháp luật về việc nhà đầu tư nước ngoài mua, sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.
 - ✓ Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật, BVB thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động theo

quy định tại khoản 4, Điều 11 thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

13. Huy bỏ đợt chào bán

Không thuộc trường hợp bị hủy bỏ đợt chào bán khi không đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo Nghị quyết HĐQT số 104/22/NQ-HĐQT ngày 14/11/2022, HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng đúng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng được xác định tại Khoản 17.3 Điều 17 Điều lệ của Ngân hàng là 5,0%. Tỷ lệ này đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo tại công văn số 3248/UBCK-PTTT ngày 30/06/2021 và đã được công bố trên trang web của Ngân hàng.
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30/09/2022, Ngân hàng có 33 cổ đông nước ngoài nắm giữ 0,103575% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngân hàng phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 15% và tăng vốn theo hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng (cho cổ đông hiện hữu) theo tỷ lệ 4:1. Do đó khi các cổ đông nước ngoài thực hiện toàn bộ quyền mua sẽ không làm cho tỷ lệ này vượt mức tối đa là 5%.
- Trong trường hợp có sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, BVB sẽ phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để phân bổ và đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt mức tối đa 5%
- Trong trường hợp số cổ phiếu phát hành không được phân phối hết và được quyết định tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác bởi HĐQT theo như Ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, HĐQT cam kết thực hiện phân bổ hợp lý, đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt mức tối đa 5%.

15. Các loại thuế có liên quan

- Đối với Tổ chức phát hành
 - ✓ Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 18/6/2014, mức thuế thu nhập doanh nghiệp Ngân hàng và công ty con phải chịu là 20% trên thu nhập chịu thuế.
- Đối với nhà đầu tư cá nhân
 - ✓ Trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần, việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại tiết a điểm 2.2.2 mục II phần B Thông tư 84/2014/TT-BTC ngày 30/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNCN và cá nhân chuyển nhượng vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần, cuối năm cá nhân thực hiện quyết toán thuế.

- ✓ Nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- Đối với nhà đầu tư tổ chức
 - ✓ Trong nước: Theo quy định tại Thông tư 130/2014/TT-BTC thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25%.
 - ✓ Nước ngoài: tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2014/TT-BTC ngày 31/12/2014.

16. Thông tin về các cam kết

BVB cam kết triển khai các thủ tục thực hiện việc đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số cổ phiếu chào bán trên Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Tổng số tiền thu được tạm tính sau khi chào bán/phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu là **1.468.360.000.000** đồng. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của BVB. HĐQT chịu trách nhiệm cân đối và phân bổ số tiền này vào các hoạt động đầu tư TSCĐ, bổ sung nguồn vốn trung, dài hạn một cách hợp lý, đúng mục đích giải ngân theo tiến độ thực hiện thực tế và đảm bảo hiệu quả theo tình hình thị trường và nguồn lực của BVB. Dự kiến như sau:

STT	Mục đích chi tiết sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời gian chi (dự kiến)
1	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, công nghệ: mở rộng mạng lưới hoạt động, đầu tư công nghệ và mua sắm tài sản cố định, công cụ lao động, trang thiết bị hoạt động	150.000.000.000	12 tháng kể từ ngày NHNN duyệt kết quả tăng vốn
2	Bổ sung vốn cho vay.	500.000.000.000	6 tháng kể từ ngày NHNN duyệt kết quả tăng vốn
3	Kinh doanh vốn, đầu tư và hoạt động kinh doanh khác của BVB	818.360.000.000	3 tháng kể từ ngày NHNN duyệt kết quả tăng vốn
TỔNG CỘNG		1.468.360.000.000	

Nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn tăng thêm của cổ đông một cách hiệu quả nhất, Hội đồng quản trị đã phân bổ số tiền dự kiến thu được từ đợt tăng vốn lần này theo tỷ lệ tối ưu, vừa đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, phục vụ đúng định hướng mở rộng mạng lưới, kinh doanh ngân hàng số và quản trị rủi ro theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, vừa đảm bảo kế hoạch lợi nhuận, hiệu quả kinh doanh cả ngắn hạn và trung dài hạn.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền thu được tạm tính sau khi chào bán/ phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu (bao gồm chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) là **1.468.360.000.000** đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán/ phát hành được sử dụng cho các mục đích chi tiết như sau (Theo như Nghị quyết HĐQT số 104/22/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2022):

STT	Mục đích sử dụng vốn	Phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	Chào bán cho cổ đông hiện hữu (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng, công nghệ: mở rộng mạng lưới hoạt động, đầu tư công nghệ và mua sắm TSCĐ, CCLĐ, trang thiết bị hoạt động	150.000.000.000	-	12 tháng kể từ ngày NHNN duyệt kết quả tăng vốn
1.1	Chi phí triển khai giải pháp, vận hành, nâng cấp ứng dụng	87.000.000.000	-	
	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin ⁽¹⁾	50.000.000.000	-	
	New CRM ⁽²⁾	24.000.000.000	-	
	Triển khai SDWAN ⁽³⁾	13.000.000.000	-	
1.2	Mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển	16.700.000.000	-	
	Máy tính bàn & Máy tính cá nhân	16.700.000.000	-	
1.3	Mở mới ⁽⁴⁾ :	30.300.000.000	-	
	Chi nhánh Long Biên	8.400.000.000	-	
	Chi nhánh Long Thành	8.400.000.000	-	
	Phòng giao dịch Hạ Long	4.500.000.000	-	
	Phòng giao dịch Rạch Giá	4.500.000.000	-	
	Phòng giao dịch Chư Sê	4.500.000.000	-	
1.4	Xây mới đơn vị hiện hữu ⁽⁴⁾	16.000.000.000	-	
	Chi nhánh Sông Hàn	16.000.000.000	-	
2	Bổ sung vốn cho vay	400.635.000.000	99.365.000.000	6 tháng kể từ ngày NHNN duyệt kết quả tăng vốn
2.1	Cho vay ngắn hạn	250.000.000.000	99.365.000.000	
2.2	Cho vay trung dài hạn	150.635.000.000	-	
3	Kinh doanh vốn, đầu tư và hoạt động kinh doanh khác của BVB	-	818.360.000.000	3 tháng kể từ ngày NHNN duyệt kết quả tăng vốn
3.1	Đầu tư kinh doanh trái phiếu chính phủ	-	400.000.000.000	
3.2	Cho vay thị trường 2	-	418.360.000.000	
TỔNG CỘNG		550.635.000.000	917.725.000.000	

**BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

- (1) Được phê duyệt tại QĐ số 61/22/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2022, theo kế hoạch dự kiến là 43,5 tỷ đồng. Tuy nhiên dự kiến phải chi 50 tỷ đồng do khả năng trượt giá
- (2) Hệ thống quản trị quan hệ khách hàng được duyệt tại QĐ số 67/22/QĐ-HĐQT ngày 12/05/2022
- (3) Tối ưu hệ thống kết nối WAN toàn hệ thống của BVB được duyệt tại QĐ số 101/22/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2022
- (4) BVB đang xây dựng chi tiết phương án mở mới CN & PGD và sẽ triển khai cụ thể sau khi phát hành thành công

Theo Nghị quyết HĐQT số 104/22/NQ-HĐQT ngày 14/11/2022, trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành không đạt được như kế hoạch đã đề ra, HĐQT sẽ ưu tiên phân bổ sử dụng số tiền thu được theo thứ tự ưu tiên trong Bảng trên.

a. Về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 và số 03/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022, nguồn vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu lấy từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (47.631.243.867 đồng); lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (503.003.756.133 đồng). Số tiền được sử dụng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được điều chuyển từ các nguồn theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thành vốn góp của chủ sở hữu.

Tính đến thời điểm này, do tình hình thực tế về kế hoạch và tiến độ công việc, BVB chưa triển khai các công việc nêu trên (nâng cấp hạ tầng CNTT, New CRM, triển khai SDWAN, mua sắm máy tính bàn & máy tính cá nhân, mở mới và xây mới đơn vị hiện hữu). HĐQT dự kiến sẽ thực hiện công tác đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng công nghệ theo như chi tiết nêu trên trong năm 2023.

b. Về việc chào bán cho cổ đông hiện hữu

Tổng số tiền thu được từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu số tiền là 917.725.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay ngắn hạn, đầu tư kinh doanh trái phiếu chính phủ và cho vay thị trường 2. Trong đó, thị trường 2 là thị trường tiền tệ liên Ngân hàng (nơi diễn ra các quan hệ vay mượn, mua bán tiền tệ lẫn nhau giữa các định chế tài chính, giữa Ngân hàng Trung ương với các định chế tài chính).

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 4531

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Với vai trò là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá khách quan về đợt chào bán như sau:

BVB là một trong các ngân hàng uy tín tại Việt Nam với tình hình tài chính lành mạnh và tiềm năng phát triển trong tương lai. Theo phương án phát hành đã được ĐHQT thông qua, và chi tiết phương án sử dụng vốn được HĐQT phê duyệt, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng cho mục đích đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ; bổ sung vốn cho vay và kinh doanh vốn, đầu tư và hoạt động kinh doanh khác sẽ là yếu tố góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng, đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận; đồng thời tạo cơ hội cho các nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu BVB.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

2. Tổ chức kiểm toán

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tòa nhà Sun Wah, lầu 10, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3821 9266 Fax: (84-8) 3821 9267

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Theo Công văn số 3614/NHNN-TTGSNH ngày 30/05/2022, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận BVB tăng vốn điều lệ tăng thêm tối đa 1.618.360.000.000 đồng dưới hình thức phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu (tối đa 550.635.000.000 đồng), chào bán cho cổ đông hiện hữu (tối đa 917.725.000.000 đồng) và phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (tối đa 150.000.000.000 đồng) đã được ĐHĐCĐ BVB thông qua tại Nghị quyết số 03/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 và Hội đồng quản trị BVB thông qua tại Nghị quyết số 62/22/NQ-HĐQT ngày 12/04/2022.

BVB sẽ triển khai việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động sau khi chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và danh sách cổ đông được quyền nhận cổ phiếu từ việc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu đảm bảo theo đúng phương án được ĐHĐCĐ thông qua.

XII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 12 tháng 05 năm 2021;

Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22 tháng 8 năm 1992.

2. Phụ lục II

Nghị quyết số 01/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Tờ trình số 48/22/TT-HĐQT ngày 17/03/2022 của HĐQT về việc triển khai phương án tăng vốn đã được ĐHĐCĐ phê duyệt theo Nghị quyết số 03/21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/12/2021;

Tờ trình số 49/22/TT-HĐQT ngày 17/03/2022 thông qua việc niêm yết các trái phiếu và các loại chứng khoán khác phát hành ra công chúng sau khi kết thúc các đợt chào bán của Ngân hàng TMCP Bản Việt;

Tờ trình số 51/22/TT-HĐQT ngày 17/03/2022 của HĐQT về các nội dung ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT;

Nghị quyết số 03/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 của ĐHĐCĐ về việc thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.

3. Phụ lục III

Nghị quyết HĐQT số 104/22/NQ-HĐQT ngày 14/11/2022 về việc thông qua phương án phát hành, hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

4. Phụ lục IV

Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt ban hành ngày 29/04/2021.

5. Phụ lục V

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020, 2021 được kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022.

6. Phụ lục VI

Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ ngày 12 tháng 5 năm 2021 đến ngày 13 tháng 5 năm 2022 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và người lao động theo chương trình Lựa chọn cho Người lao động từ ngày 8 tháng 1 năm 2021 đến ngày 17 tháng 3 năm 2021;

Báo cáo tiến độ sử dụng vốn từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 cho nguồn vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng từ ngày 10 tháng 12 năm 2021 đến ngày 30 tháng 12 năm 2021 (Đợt 1);

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Báo cáo tiến độ sử dụng vốn từ ngày 9 tháng 9 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 cho nguồn vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đến ngày 26 tháng 8 năm 2022 (Đợt 2).

7. Phụ lục VII

Tài liệu liên quan đến việc sử dụng vốn

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20... tháng ..?... năm 2023



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ ANH TÀI

NGÔ QUANG TRUNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHAN THỊ HỒNG LAN

LÝ CÔNG NHA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TÔ HẢI